



KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU
VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

NỘI DUNG

01

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 08 Tổng quan về Bảo Long
- 12 Mạng lưới kinh doanh
- 13 Cổ đông và đối tác
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Thông tin Cổ phần và Cổ đông
- 18 Sự kiện nổi bật năm 2021
- 22 Các giải thưởng tiêu biểu
- 24 Sơ đồ tổ chức
- 26 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 28 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 30 Giới thiệu Ban Điều Hành
- 36 Mục tiêu phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- 38 Rủi ro và quản lý rủi ro

02

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2021 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- 42 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021
- 46 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2021
- 50 Kế hoạch hoạt động và Giải pháp kinh doanh 2022
- 54 Nguồn nhân lực và Đào tạo

03

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 59 Quản trị Doanh nghiệp hướng đến phát triển bền vững
- 60 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 62 Trách nhiệm với môi trường

04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

- 66 Thông tin về Tổng Công ty
- 67 Báo cáo của Ban Điều hành
- 68 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 70 Bảng cân đối kế toán
- 74 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 77 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 79 Thuyết minh báo cáo tài chính

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên (CBNV).

Năm 2021, với bối cảnh tình hình trong nước và thế giới có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, nhất là phải chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19 với những biến chủng mới. Kinh tế thế giới phục hồi nhưng không đồng đều, chưa bền vững; lạm phát tăng nhanh; thị trường tài chính, tiền tệ biến động mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việt Nam cũng phải chống đỡ với khó khăn, thách thức rất lớn do đợt dịch COVID-19 lần thứ tư với biến chủng Delta có tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm hơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, tính mạng của người dân và các mặt của đời sống kinh tế - xã hội đất nước.

BẢO LONG TIẾP TỤC CÙNG CỐ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NHÂN SỰ, XÂY DỰNG HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG VÀ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ BẮT KỊP XU THẾ INSURTECH TRONG THỜI ĐẠI 4.0.

Năm 2021 cũng là năm Bảo Long có nhiều hoạt động nổi bật như: Phủ sóng truyền thông kỹ thuật số nhân sự kiện kỷ niệm sinh nhật Bảo Long; Ra mắt Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp trên đường (RSA); Các hoạt động hướng về cộng đồng nhằm chia sẻ những khó khăn của người dân trong đại dịch.

Trên tinh thần **“Kiên định mục tiêu – Vững bước tương lai”** trong năm 2022, Bảo Long sẽ khẳng định vị thế một công ty bảo hiểm được tin nhiệm hàng đầu. Thông qua đó, Bảo Long không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh bằng việc gia tăng tiềm lực tài chính; Cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối; Nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Quý Khách hàng. Mặt khác, Bảo Long cũng tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh Thương hiệu trên thị trường và tiếp tục đẩy mạnh các dự án công nghệ thông tin để bắt kịp xu thế Insurtech trong thời đại 4.0.

Bảo Long nhận thức rằng, để thành công và phát triển bền vững, bên cạnh định hướng chiến lược phù hợp thì toàn thể CBNV phải luôn trân trọng các giá trị đạo đức kinh doanh, mang đến giá trị thật cho Quý Khách hàng/ Quý Đối tác/ Quý Cổ đông và xã hội. Với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị/ Ban Kiểm soát/ Ban Điều hành và toàn thể Cán bộ - Nhân viên, Bảo Long sẽ không phụ lòng tin yêu, sự kỳ vọng và luôn là người bạn đồng hành trên hành trình đi đến sự thịnh vượng của Quý Khách hàng, Quý Đối tác và Quý Cổ đông.

Trân trọng,



NGUYỄN THÀNH LONG
Chủ tịch HĐQT



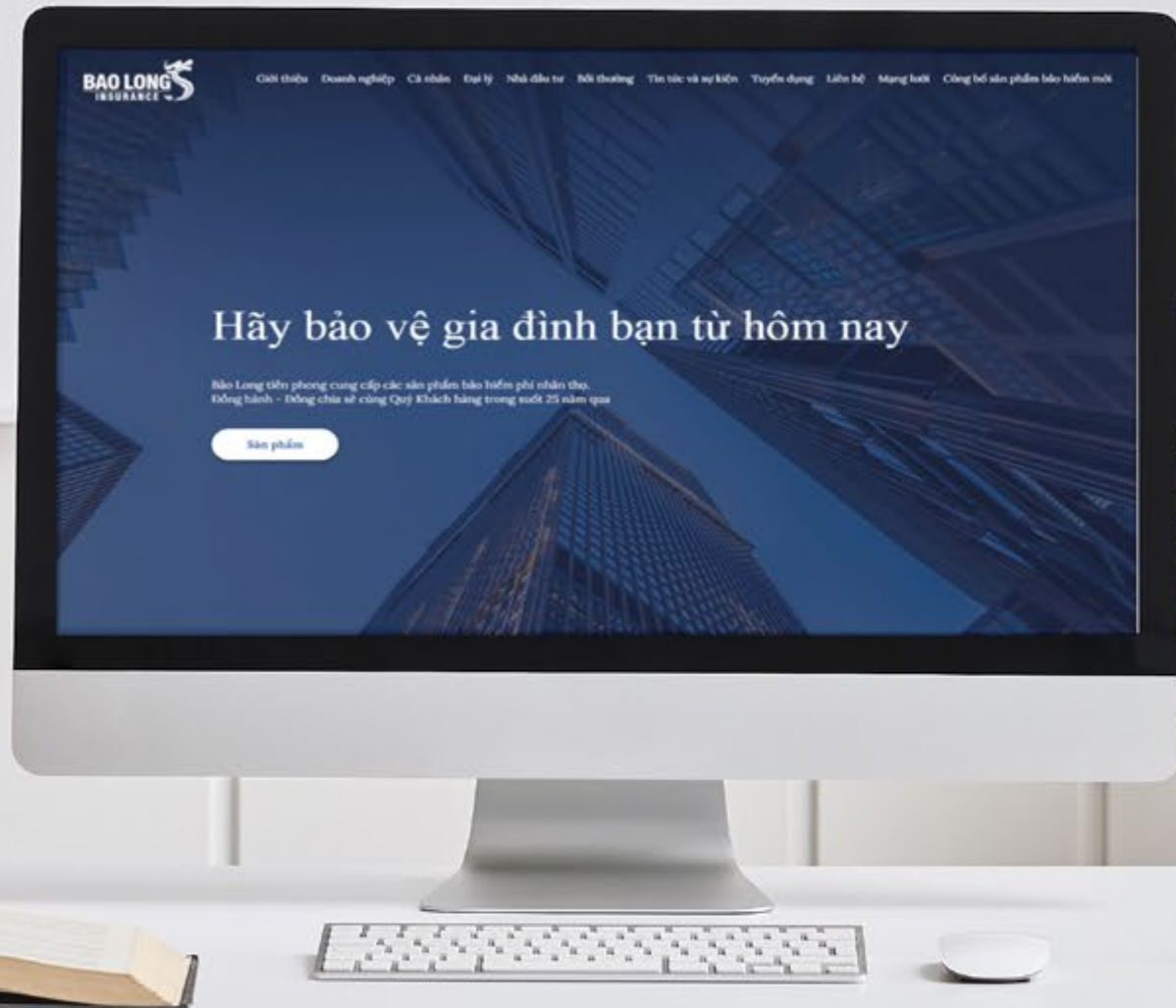
01

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

- 08 Tổng quan về Bảo Long
- 12 Mạng lưới kinh doanh
- 13 Cổ đông và đối tác
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Thông tin Cổ phần và Cổ đông
- 18 Sự kiện nổi bật năm 2021
- 22 Các giải thưởng tiêu biểu
- 24 Sơ đồ tổ chức
- 26 Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị
- 28 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 30 Giới thiệu Ban Ban Điều Hành
- 36 Mục tiêu phát triển giai đoạn 2018 - 2023
- 38 Rủi ro và quản lý rủi ro



TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG



GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BẢO LONG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995, với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng.

Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm Phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận số 05TC/GCN xác nhận đủ tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long).

Trải qua 27 năm hoạt động và phát triển, với 46 công ty thành viên và gần 1,000 đại lý bảo hiểm cùng năng lực tài chính hùng mạnh, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, Bảo Long hoàn toàn có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của Khách hàng.

THÔNG TIN CÔNG TY TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG



Tên tiếng Anh
BAO LONG INSURANCE CORPORATION



Tên giao dịch Tiếng Việt
BẢO HIỂM BẢO LONG



Tên viết tắt
BẢO LONG



Địa chỉ
185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Điện thoại
(84.28) 38 239 219



Fax
(84.28) 38 228 967



Website
www.baolonginsurance.com.vn



Tài khoản số
156 01 0126637 0001 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM



Vốn điều lệ
600.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng)

TỔNG QUAN VỀ BẢO LONG

SLOGAN

ĐỒNG HÀNH - ĐỒNG CHIA SẺ

Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...



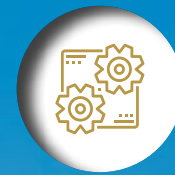
TẦM NHÌN

Trở thành Công ty Bảo hiểm được tín nhiệm hàng đầu.



SỨ MỆNH

Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- » Con người là trọng tâm
- » Đội ngũ chính trực
- » Không ngừng đổi mới

CAM KẾT



01

VỚI KHÁCH HÀNG

Thấu hiểu mọi nhu cầu của khách hàng, đưa ra giải pháp sản phẩm tối ưu, đảm bảo dịch vụ nhanh chóng, chính xác.



02

VỚI ĐỐI TÁC

Hợp tác lâu dài, chia sẻ cơ hội cùng phát triển.



03

VỚI CỔ ĐÔNG

Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.



04

VỚI XÃ HỘI

Tuân thủ quy định pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.



05

VỚI NHÂN VIÊN

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng và tạo điều kiện phát triển cho tất cả cán bộ nhân viên.



06

VỚI CHÍNH MÌNH

Không ngừng phấn đấu, đổi mới và hoàn thiện.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

~1.000

TỔNG SỐ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM
TRÊN TOÀN QUỐC

46

TỔNG SỐ
CÔNG TY
THÀNH VIÊN

230

TỔNG SỐ ĐIỂM
GIAO DỊCH
BẢO HIỂM

B L I



CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

CỔ ĐÔNG

Bảo Long vinh dự có các cổ đông là những Doanh nghiệp có uy tín hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, dịch vụ ở Việt Nam.

Hiện nay, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) là những cổ đông lớn của Bảo Long.

ĐỐI TÁC

Trong quá trình kinh doanh bảo hiểm, Bảo Long vinh dự được cộng tác với nhiều đối tác lớn thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau:

- ★ **Ngân hàng:** Những ngân hàng hàng đầu như SCB, Eximbank, Tienphongbank, Sacombank, OCB, VietCapitalbank, KienLongbank...
- ★ **Kênh phân phối bảo hiểm truyền thống:** Các công ty môi giới hàng đầu trên thị trường như Aon, Marsh, Gras Savoye Willis, Jardine Lloyd's Thompson, Benfield...
- ★ **Kênh phân phối bảo hiểm mới:** Viettel, Smart Buddy, ManuLife, MSH, Pharmacy, Momo...
- ★ **Tái bảo hiểm:** Ngoài ra, Bảo Long đã cộng tác rất hiệu quả và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của các nhà Tái bảo hiểm lớn trên thế giới như CCR (Caisse Centrale de Reassurance), Swiss Re, Munich Re, ACR; Lloyd's syndicate, QBE, AIG...

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Ngày 11/07/1995, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long (tiên thân là Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Nhà Rộng) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh. Bảo Long là Công ty Cổ phần bảo hiểm đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam.

2012

Ngày 14/5/2012, Bộ Tài Chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rộng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

2013

Năm 2013, Bảo Long đã mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc thành lập thêm 6 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 19 Đơn vị.

2016

Bảo Long tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 404 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo giấy phép điều chỉnh số 71/GPD9C9/KDBH do Bộ Tài Chính cấp, thành lập thêm 11 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 41 đơn vị.

Năm 2016, Bảo Long vinh dự được bình chọn Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2015

Ngày 11/12/2015, hơn 40,3 triệu cổ phiếu (CP) của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM với mã chứng khoán BLI.

Cùng năm đó, Bảo Long đã kỷ niệm 20 năm thành lập, chính thức tăng vốn điều lệ lên 404 tỷ đồng, thành lập thêm 9 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 30 đơn vị và vinh dự nhận được giải thưởng "Dịch vụ bảo hiểm tốt nhất Việt Nam 2015" do Tổ chức Global Banking and Finance Review Awards của Anh bình chọn.

2014

Năm 2014 là năm đánh dấu một cột mốc mới của Bảo Long khi cơ cấu cổ đông có sự thay đổi lớn. Ngày 14/04/2014, Bảo Long được Bộ Tài Chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH chấp thuận Ngân Hàng TMCP Sài Gòn là cổ đông chiến lược của Bảo Long. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 2 đơn vị thành viên, nâng tổng số đơn vị thành viên lên 21 đơn vị.

2017

Ngày 07/04/2017, Bảo Long chính thức tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài chính cấp. Trong năm, Bảo Long thành lập thêm 05 đơn vị thành viên nâng tổng số đơn vị thành viên lên 46 đơn vị thành viên và tiếp tục nhận được giải thưởng Top 10 công ty bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam.

2018

Với mục tiêu CHUYỂN ĐỔI TOÀN DIỆN - NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU, Bảo Long đã đạt được dấu ấn 1.092 tỷ đồng doanh thu, vượt cột mốc 1.000 tỷ đồng, đánh dấu một tầm cao mới của Bảo Long trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. Đây là bước đệm quan trọng để Bảo Long hướng đến Doanh nghiệp 2.000 tỷ vào năm 2022 theo chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

2019

Năm 2019, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức, phân vùng hoạt động kinh doanh thành 2 trung tâm kinh doanh miền và 9 vùng trải dài từ Bắc chí Nam. Bảo Long tiếp tục nhận được các giải thưởng Thương hiệu Mạnh và Tin & Dùm Việt Nam.

2021

Năm 2021, Bảo Long tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự Lãnh đạo. Ra mắt nhiều sản phẩm dịch vụ có chất lượng quốc tế, tập trung phủ sóng truyền thông kỹ thuật số.

Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh Việt Nam, Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN.

2020

Nỗ lực bứt phá trong bối cảnh dịch bệnh

Bảo Long kỷ niệm 25 năm thành lập bằng nhiều hoạt động nổi bật như tổ chức thành công chương trình talkshow **"Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng"**, thực hiện chương trình khuyến mại **"Bảo Long - Vì một cộng đồng bình an và thịnh vượng"** với tổng giá trị giải thưởng lên đến 25 lượng vàng SJC, ra mắt gói sản phẩm Điều trị ung thư quốc tế Global Cancer Care thông qua chương trình **"Bảo Long - Vì chúng tôi quan tâm đến bạn"** cùng nhiều hoạt động hướng về cộng đồng.

Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN và Thương hiệu Tin & Dùm Việt Nam.

THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG



VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2021
tại ngày 31/12/2021

600

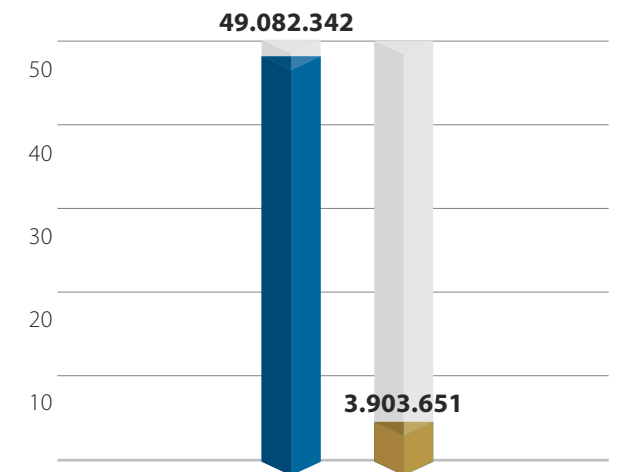
TỶ ĐỒNG

THÔNG TIN CỔ PHẦN

tại ngày 31/12/2021

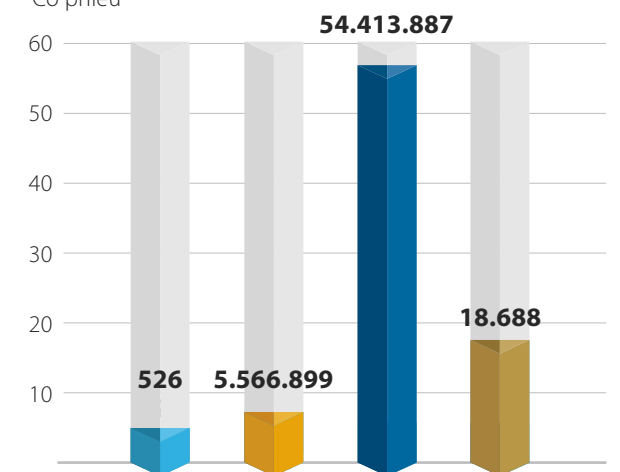
- ☆ **Tên cổ phiếu:**
CỔ PHIẾU TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BẢO LONG
- ☆ **Vốn điều lệ của Công ty:**
600.000.000.000 đồng
- ☆ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:**
600.000.000.000 đồng
- ☆ **Số cổ phiếu đang lưu hành:**
59.999.474 cổ phiếu
- ☆ **Cổ phiếu quỹ:** 526
- ☆ **Mệnh giá cổ phiếu:**
10.000 đồng/cổ phiếu
- ☆ **Số cổ phiếu niêm yết:**
60.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu



■ Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) : 49.082.342
■ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) : 3.903.651

Cổ phiếu



■ Cổ phiếu quỹ : 526 cổ phiếu
■ Cá nhân trong nước : 5.566.899 cổ phiếu
■ Tổ chức trong nước : 54.413.887 cổ phiếu
■ Cá nhân nước ngoài : 18.688 cổ phiếu

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2021

NĂM 2021, SỰ BÙNG PHÁT CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 TRÊN TOÀN CẦU ĐÃ ẢNH HƯỞNG LỚN ĐẾN MỌI MẶT CỦA ĐỜI SỐNG KINH TẾ, XÃ HỘI ĐẤT NƯỚC.



10/03/2021

Bảo Long vinh dự lọt Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2021 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công nhận.



10/05/2021

Hợp tác cùng Ngân hàng TMCP Sài Gòn triển khai chương trình “Chạm một phút – Sống thành thơi”, từ ngày 10/05/2021 đến 30/09/2021, tặng tiền mặt cho Khách hàng khi tham gia Bảo hiểm Xe, Bảo hiểm Tai nạn 24h và Bảo hiểm Nhà tư nhân.



30/05/2021

Ủng hộ 100.000.000 đồng đến Ban vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 tại Ủy Ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh và Ủy Ban MTTQ tỉnh Bắc Giang nhằm tiếp sức cùng Đơn vị tuyến đầu phòng chống dịch.



08/06/2021

Ủng hộ 500.000.000 đồng vào Quỹ vaccine phòng chống Covid-19.



15/06/2021

Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long và Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) ký kết thành công Công đồng giao dịch Tái bảo hiểm điện tử.



27/08/2021

Bảo Long vinh dự được Bộ Tài Chính vinh danh thứ hạng 07 trong Top 10 Công ty Bảo hiểm có uy tín trong lĩnh vực Hàng Hải năm 2021.



13/10/2021

Bảo Long được vinh danh “TOP 10 Thương hiệu Mạnh ngành Ngân hàng và dịch vụ tài chính” do Tạp chí Kinh tế Việt Nam công nhận.

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2021



15/10/2021

Bảo Long lọt Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021.



14/12/2021

Bảo Long hợp tác với hai công ty hàng đầu thế giới là AWP Services Thái Lan và Công ty TNHH Môi Giới Bảo Hiểm Marsh Việt Nam ra mắt Dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp trên đường (RSA – Roadside Assistance) - một giải pháp tiện ích tối ưu theo xu hướng công nghệ toàn cầu.



30/11/2021

Bảo Long tăng hạng ngoạn mục trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2021 & Top10 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất ngành Bảo hiểm năm 2021 do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) công nhận.



25/12/2021

Bảo Long vinh dự lọt Top 10 Thương hiệu Mạnh ASEAN năm 2021 do Trung tâm nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp Châu Á phối hợp cùng CLB Doanh nhân Việt Nam và tổ chức quốc tế Asia Business Centre công nhận.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NĂM 2006

CÚP VÀNG
THƯƠNG HIỆU VIỆT

NĂM 2009

BẰNG KHEN DOANH NGHIỆP
ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH ĐÓNG
GÓP VÀO QUÁ TRÌNH PHÁT
TRIỂN, NÂNG CAO
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM
VIỆT NAM TỪ NĂM 1999 – 2009

NĂM 2012

TOP **20**
DỊCH VỤ VÀNG VIỆT NAM

NĂM 2015

BẰNG KHEN CỦA BỘ TÀI CHÍNH
VỀ VIỆC “ĐÃ CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH
TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GÓP
PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ
TRƯỜNG BẢO HIỂM TRONG
GIAI ĐOẠN TỪ 2010 ĐẾN 2015.”

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN DỊCH VỤ
BẢO HIỂM TỐT NHẤT VIỆT NAM

*do Tạp chí Global Banking & Finance review
của Anh Quốc bình chọn*

NĂM 2016

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM
NĂM 2015

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

TOP **10**
CÔNG TY BẢO HIỂM
VIỆT NAM UY TÍN

NĂM 2017

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM
NĂM 2016

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

TOP **10**
CÔNG TY BẢO HIỂM
VIỆT NAM UY TÍN

TOP **20**
THƯƠNG HIỆU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TOP **20**
SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHẤT
LƯỢNG CAO 2017 VỚI SẢN
 PHẨM BẢO HIỂM BẢO TÂM AN

NĂM 2018

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM
3 NĂM LIÊN TIẾP

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

TOP **10**
CÔNG TY BẢO HIỂM
VIỆT NAM UY TÍN 3 NĂM LIÊN TIẾP

TOP **500**
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM
– THEO MÔ HÌNH FORTUNE 500
4 NĂM LIÊN TIẾP

NĂM 2019

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM

do Thời Báo Kinh tế Việt Nam bình chọn

DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU
TIN & DÙNG VIỆT NAM

TOP **500**
DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG
NHANH NHẤT VIỆT NAM
– THEO MÔ HÌNH FORTUNE 500

NĂM 2020

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN

DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU TIN VÀ
DÙNG VIỆT NAM

TOP **500**
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM
– THEO MÔ HÌNH FORTUNE 500

NĂM 2021

CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN

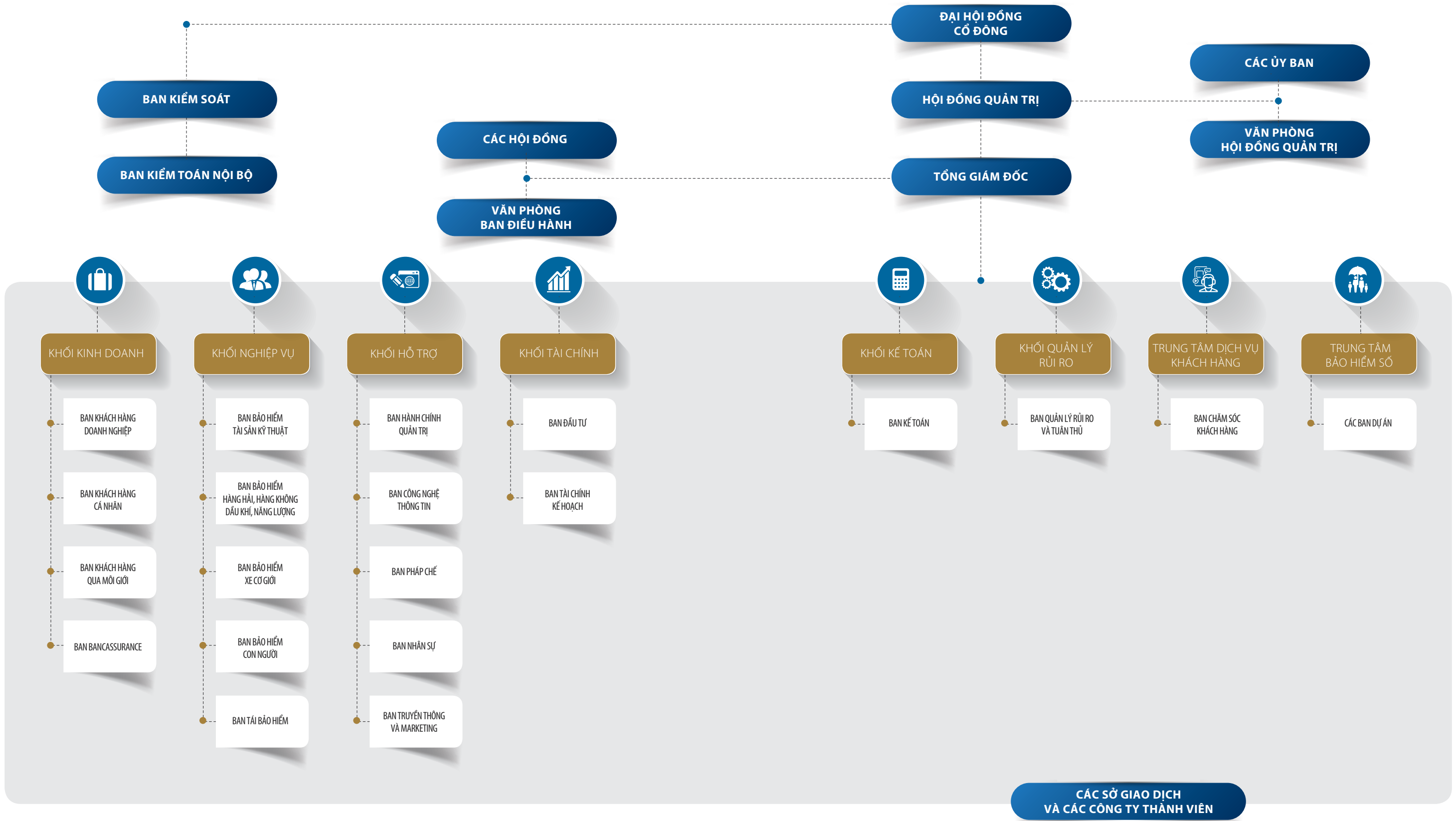
CÚP VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN
THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM

DANH HIỆU THƯƠNG HIỆU TIN VÀ
DÙNG VIỆT NAM

TOP **500**
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM
– THEO MÔ HÌNH FORTUNE 500

TOP **500**
DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG
NHANH NHẤT VIỆT NAM
– THEO MÔ HÌNH FORTUNE 500

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế thương mại, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Nguyễn Thành Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC).

Hiện nay, Ông Nguyễn Thành Long đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

ÔNG TRƯƠNG KHÁNH HOÀNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Trương Khánh Hoàng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng – ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Ông Hoàng có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí như: Giám sát phụ trách Thị trường vốn & Quan hệ đầu tư – Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova; Giám đốc phụ trách Tài chính dự án cấp cao – Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Alpha King; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tài sản định, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Điều hành Khối Phê duyệt Tín dụng và Xử lý nợ – Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Hoàng đang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long kiêm Quyền Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp Cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng.

Ông Nguyễn Văn Hùng từng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các trọng trách sau: Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB).

Hiện nay, Ông Nguyễn Văn Hùng đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kế toán kiêm Kế toán Trưởng Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

ÔNG NGUYỄN HỮU TUẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Nguyễn Hữu Tuấn từng làm việc tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty CP Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sài Gòn Tourist.

Hiện nay, Ông Nguyễn Hữu Tuấn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Phương Đông.

BÀ PHẠM MINH CHÂM

Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp Cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

BÀ LÊ THỊ THANH BÌNH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh; là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

Bà Lê Thị Thanh Bình từng giữ những chức vụ tại Bảo Long như: Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Giám đốc Ban Kiểm toán và Kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát.

Hiện nay, Bà Lê Thị Thanh Bình giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Tường Vy tốt nghiệp cử nhân Kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Tường Vy có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng và từng giữ các chức vụ: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Việt Nam Tín Nghĩa; Chuyên viên cao cấp trực thuộc Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Nguyễn Thị Tường Vy giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Phó trưởng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

ÔNG VÕ HOÀNG DUY TRINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Hoàng Duy Trinh tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng – Đại học Ngân hàng và Cử nhân Luật tổng hợp – Đại học Trà Vinh.

Ông Võ Hoàng Duy Trinh có hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Phó phòng Quản lý Rủi ro Vận hành, Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Ông Võ Hoàng Duy Trinh giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Vận hành tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

ÔNG TÔN THẮT DIÊN KHOA

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tôn Thất Diên Khoa tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế.

Ông Tôn Thất Diên Khoa từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank).

Hiện nay, Ông Tôn Thất Diên Khoa giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long và Giám đốc Đầu tư Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ LÊ THỊ NGỌC HƯƠNG

Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Ngọc Hương tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế TP.HCM và thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Hawaii.

Bà Lê Thị Ngọc Hương từng đảm nhiệm các vị trí công tác: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM Công ty TNHH Aon Viet Nam, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Jardine Lloyd Thompson (JLT), Giám đốc Khối Bảo hiểm Tập đoàn Sovico, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm HD, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Bà Lê Thị Ngọc Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ PHẠM MINH CHÂM

*Thành viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành*

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp cử nhân Khoa Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Phạm Minh Châm đã từng đảm nhiệm vị trí Chủ nhiệm kiểm toán Khối Tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hiện nay, Bà Phạm Minh Châm giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG HÀ MINH HIẾU

Kế toán trưởng

Ông Hà Minh Hiếu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán – Kiểm toán thuộc Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Hiếu có hơn 07 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, đảm nhiệm Chức vụ Trưởng nhóm Kiểm toán; hơn 09 năm làm việc trong ngành bảo hiểm tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế hoạch Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long và Trưởng phòng Kế toán - Tổng hợp Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn.

Hiện nay, ông Hà Minh Hiếu đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG DƯƠNG QUANG NGỌC

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing. Ông Ngọc hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Tr� lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

ÔNG TRẦN THANH NAM

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt - Bỉ (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Nguyễn Ngọc Lân có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nguyễn Ngọc Lân giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 9 – Đông Bắc kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ LÊ THANH HẰNG

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Lê Thanh Hằng có trên 26 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải – Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP HCM.

Hiện nay, Bà Lê Thanh Hằng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 5 – Tây Nguyên kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

ÔNG ĐOÀN TRỌNG THẮNG

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Đoàn Trọng Thắng có hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 11 năm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford); Trưởng phòng Kinh doanh số 5 – Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành; Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Đoàn Trọng Thắng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, Giám đốc Vùng 2 – Hà Nội kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

ÔNG HÀ HOÀNG GIANG

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Hà Hoàng Giang có hơn 29 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu viễn dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Ông Hà Hoàng Giang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng Ban khai thác Dự án lớn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

BÀ NGUYỄN THÚY HẰNG

Giám Đốc Khối Hỗ trợ
kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thúy Hằng tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh trường Đại học Tài chính – Marketing.

Bà Nguyễn Thúy Hằng từng đảm nhiệm vị trí Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

Hiện nay, Bà Hằng đang giữ chức vụ Giám đốc Khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



ĐỊNH HƯỚNG, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2022

HIỆN NAY, ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐANG TỪNG BƯỚC ĐƯỢC KIỂM SOÁT. BAN LÃNH ĐẠO BẢO LONG ĐÃ ĐỀ RA CÁC PHƯƠNG ÁN KINH DOANH PHÙ HỢP NHẤT GIÚP BẢO LONG BỨT PHÁ TRONG "BÌNH THƯỜNG MỚI". BÊN CẠNH ĐÓ THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ, VỐN SONG HÀNH VỚI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CỦA NỀN KINH TẾ, ĐƯỢC DỰ BÁO CÒN NHIỀU KHÓ KHĂN. TUY NHIÊN, MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU VẪN ĐƯỢC ƯU TIÊN VÀ MỨC TĂNG TRƯỞNG ĐƯỢC ĐẶT RA LÀ KHOẢNG 10% SO VỚI NĂM 2021.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2018 - 2023

TRỞ THÀNH CÔNG TY BẢO HIỂM ĐƯỢC TÍN NHIỆM HÀNG ĐẦU

Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc gia tăng tiềm lực tài chính; Cải tiến và phát triển danh mục sản phẩm, kênh phân phối; Nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Khách hàng. Mặt khác, tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng nhân sự, xây dựng hình ảnh Thương hiệu của Bảo Long trên thị trường. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các dự án CNTT để bắt kịp xu thế Insurtech trong thời đại 4.0.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC GIÀU MẠNH

Chung tay xây dựng Đất nước giàu mạnh, tạo việc làm cho Người Lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

ĐA DẠNG SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho Khách hàng, chia sẻ rủi ro với Cộng đồng.

ỔN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.

TIẾP SỨC CHO THẾ HỆ TRẺ TƯƠNG LAI

Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của Đất nước có điều kiện học tập, trau dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện, xã hội hàng năm.



RỦI RO VÀ QUẢN LÝ RỦI RO



RỦI RO VẬN HÀNH

Rủi ro bảo hiểm

Kinh doanh bảo hiểm là hoạt động kinh doanh chính yếu của Bảo Long và trong quá trình đó Bảo Long có thể gặp phải các rủi ro như: rủi ro về thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm, rủi ro về thẩm định và cấp đơn bảo hiểm, rủi ro về giám định bồi thường, rủi ro về giá,...

Để hạn chế rủi ro, Bảo Long luôn chủ động tăng cường hoạt động đánh giá rủi ro cũng như rà soát các điều kiện chấp nhận bảo hiểm có mức độ tác động nhỏ thông qua việc duy trì và phát triển kênh bán lẻ, kênh Bancassurance, hướng đến Khách hàng cá nhân; hạn chế các rủi ro thuộc nhóm có nguy cơ cao, tăng cường đánh giá rủi ro đối với các loại rủi ro bảo hiểm mới, phân loại các rủi ro bảo hiểm, chia sẻ các rủi ro có mức độ tác động lớn thông qua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ, cũng như hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Cán bộ nhân viên,...

Rủi ro gian lận và trục lợi

Rủi ro gian lận và trục lợi bảo hiểm có thể phát sinh từ hành vi cố tình gian dối, lừa đảo có thể có chủ ý ngay từ khi tham gia bảo hiểm hoặc phát sinh sau khi đã xảy ra rủi ro cho đối tượng bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo Long mà đáng lý ra họ không được hưởng.

Bảo Long đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát, thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, bao gồm: quản lý rủi ro, kiểm soát tuân thủ và kiểm toán nội bộ; nâng cao trình độ nghiệp vụ của Cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao nhận thức về pháp lý, văn hóa quản lý rủi ro,... để góp phần giảm thiểu rủi ro.

Trước sự xuất hiện của các rủi ro ngày càng đa dạng, Bảo Long không ngừng nỗ lực xây dựng, hoàn thiện các giải pháp, công cụ để đo lường và giảm thiểu rủi ro. Qua đó, Bảo Long và các Công ty thành viên xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, đảm bảo các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả, đảm bảo sự cân bằng giữa quản lý rủi ro và tốc độ tăng trưởng. Việc triển khai thành công khung Quản trị rủi ro Doanh nghiệp vừa giúp Doanh nghiệp tạo dựng được một công cụ hiệu quả vừa tạo thêm giá trị mới và bảo toàn giá trị cho doanh nghiệp.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

Rủi ro chiến lược của Bảo Long có thể phát sinh từ những thay đổi trong chiến lược/ chính sách của Chính phủ về ngành bảo hiểm hay các định chế tài chính và các ngành có liên quan, cũng như phát sinh từ việc Bảo Long định hướng chiến lược không đúng đắn hoặc tập trung vào quá nhiều mục tiêu, phản ứng chậm đối với những thay đổi về xu hướng trong kinh doanh của thị trường,... Bảo Long đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ để giảm thiểu rủi ro chiến lược.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc không hoặc không có khả năng không thu hồi được các khoản nợ từ Khách hàng tham gia bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính của Bảo Long tại các Đối tác (tiền gửi Ngân hàng, các công cụ tài chính khác). Bảo Long đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro này.

Rủi ro thanh khoản

Mục tiêu của Bảo Long là đảm bảo cân đối các dòng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Bảo Long đã xây dựng và áp dụng những biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các trường hợp rủi ro thanh khoản.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro lãi suất

Với những biến động của thị trường tài chính trong thời gian vừa qua. Bảo Long thường xuyên rà soát để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn đảm bảo mục tiêu lợi nhuận.

Rủi ro hiệu quả đầu tư

Rủi ro hiệu quả đầu tư phát sinh từ những sai lầm về Chiến lược đầu tư không phù hợp năng lực Bảo Long và/hoặc tình hình thị trường hay việc tập trung quá mức đối với một công cụ tài chính riêng lẻ dẫn đến thiệt hại đối với thu nhập từ đầu tư hay thiệt hại vốn đầu tư của Bảo Long. Để kiểm soát rủi ro này, Bảo Long luôn thận trọng trong việc hoạch định chiến lược đầu tư, tái đánh giá định kỳ hiệu quả từng danh mục đầu tư, cũng như tuân thủ đầy đủ các quy định về giới hạn đầu tư theo quy định pháp luật.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Bảo Long. Đặc biệt trong tình hình hội nhập sâu rộng như hiện nay.

RỦI RO KHÁC

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là các rủi ro phát sinh từ việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, Bảo Long đang kiểm soát các rủi ro này bằng việc rà soát, cập nhật các quy định mới để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Rủi ro nhân sự

Con người là yếu tố then chốt và chủ yếu đến sự tồn tại và phát triển của Bảo Long. Rủi ro nhân sự là rủi ro phát sinh từ những sai lầm hoặc thiếu sót trong công tác Quản trị nhân sự như: tuyển dụng, đào tạo, chính sách đãi ngộ,... Bảo Long đang hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp cùng một chính sách thu hút và duy trì nhân sự tối ưu để đảm bảo đời sống của Cán bộ nhân viên, tạo điều kiện cống hiến và phát triển bền vững tại Bảo Long nhằm góp phần hạn chế rủi ro này.

VIỆC TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP VỪA GIÚP DOANH NGHIỆP TẠO DỰNG ĐƯỢC MỘT CÔNG CỤ HIỆU QUẢ VỪA TẠO THÊM GIÁ TRỊ MỚI VÀ BẢO TOÀN GIÁ TRỊ CHO DOANH NGHIỆP.



02

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021 & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- 42 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021
- 46 Báo cáo tình hình triển khai các giải pháp kinh doanh năm 2021
- 50 Kế hoạch hoạt động và Giải pháp kinh doanh 2022
- 54 Nguồn nhân lực và Đào tạo



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2021

1.419.115

TRIỆU ĐỒNG

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM 2021

TĂNG 83% SO VỚI KẾ HOẠCH

“ĐỐI VỚI BẢO LONG, CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀ CON ĐƯỜNG BUỘC PHẢI ĐI”. NĂM 2021 VỪA QUA, TÁC ĐỘNG TỪ ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐÃ TẠO RA NHẬN THỨC MỚI, XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH TRONG THỊ HIẾU TIÊU DÙNG, GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI..., NHIỀU NGÀNH NGHỀ TẠI VIỆT NAM NÓI CHUNG VÀ THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ NÓI RIÊNG BUỘC PHẢI CHUYỂN MÌNH THAY ĐỔI PHƯƠNG THỨC KINH DOANH TỪ TRUYỀN THỐNG SANG CÔNG NGHỆ SỐ (INSURTECH).

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2021 (tiếp theo)

1.419
TỶ ĐỒNG

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM
NĂM 2021

2.290
TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN
NĂM 2021

104,6
TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
NĂM 2021

KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu (*)	KH 2021 Triệu đồng	TH 2021 Triệu đồng	HTKH %
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.700.000	1.419.115	83%
- Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.615.409)	(1.306.614)	81%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động KDBH	84.591	112.501	133%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
- Doanh thu	93.000	103.656	118%
- Chi phí	(5.000)	(6.911)	70%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	88.000	96.666	110%
Thu nhập từ hoạt động khác	-	295	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(111.448)	(104.843)	94%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	61.142	104.619	171%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	KH 2021 Triệu đồng	TH 2021 Triệu đồng	HTKH %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	933.176	760.356	81,5%
Vốn chủ sở hữu (*)	692.812	732.302	105,7%
Danh mục đầu tư	1.483.397	1.338.555	90,2%
Tổng tài sản	2.507.195	2.290.574	91,4%

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2021

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2021

NĂM 2021 LÀ NĂM THỨ TƯ BẢO LONG TRIỂN KHAI 8 NHÓM GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN 5 NĂM, TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2022. TẠI MỖI GIẢI PHÁP CẢ HỆ THỐNG ĐỀU NỖ LỰC ĐỂ HOÀN THÀNH NHỮNG MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐÃ ĐỀ RA.

1 KÊNH PHÂN PHỐI

Hệ thống phân phối của Bảo Long bao gồm kênh khai thác truyền thống là các đơn vị thành viên, hệ thống đại lý, tái bảo hiểm và kênh khai thác hiện đại như bancassurance, mobilassurance, online ... Trong năm 2021, các kênh phân phối của Bảo Long đều ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan, đặc biệt là kênh môi giới, kênh tái bảo hiểm.

Bên cạnh việc thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, đối với mỗi kênh phân phối, Bảo Long đều nỗ lực triển khai các giải pháp để tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn, như tăng cường mở rộng và củng cố mạng lưới ngân hàng liên kết, tiếp tục hợp tác đại lý với các tổ chức bán lẻ; Tích hợp với app và IMB của các Ngân hàng để triển khai bán hàng...

2 SẢN PHẨM

Để đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của khách hàng cũng như phù hợp với sự phát triển của hệ thống các kênh phân phối, trong năm 2021 hệ thống sản phẩm của Bảo Long cũng tiếp tục được nâng cấp và đa dạng hóa.

Các sản phẩm hiện hữu được cải tiến để bắt kịp hơn với thực tế kinh doanh như Bảo hiểm nhà tư nhân, Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp, Bảo hiểm tiền, Bảo hiểm bằng hiệu đèn quảng cáo, Bảo hiểm mọi rủi ro lắp đặt, Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng, Bảo hiểm mọi rủi ro văn phòng, Bảo hiểm sức khỏe cao cấp.

Đồng thời, Bảo Long cũng triển khai rất nhiều sản phẩm mới như Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý về ô nhiễm môi trường, Bảo hiểm trách nhiệm Người chơi golf.

3 NGUỒN NHÂN LỰC

Năm 2021, Bảo Long đã thực hiện rà soát lại bộ máy tổ chức, cách thức triển khai hoạt động kinh doanh theo Vùng/Miền và công tác quản lý ngành dọc nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động tinh gọn và hiệu quả. Từ đó, để tối ưu hiệu quả hoạt động của các đơn vị thuộc khu vực Hà Nội, Bảo Long đã cơ cấu và sắp xếp lại cách thức hoạt động của các đơn vị tại Khu vực này.

Về đào tạo, Bảo Long đã triển khai nhiều lớp đào tạo Elearning cũng như đào tạo trực tuyến. Các khóa đào tạo được xây dựng nhằm cung cấp kiến thức cho CBNV từ nội dung cơ bản đến nâng cao phù hợp với từng vị trí công việc cũng như đặc điểm Vùng/Miền. Sau mỗi khóa học, CBNV sẽ thực hiện kiểm tra để đánh giá kiến thức đã đạt được sau khóa học, đối với các chức danh quản lý tại ĐVTV, điểm đánh giá sau khóa học cũng là cơ sở để thực hiện tái bổ nhiệm hàng năm.

Văn hóa doanh nghiệp luôn được chú trọng xây dựng và được thể hiện rõ nét trong giai đoạn đại dịch năm 2021. Ngay khi đại dịch bùng phát mạnh, Bảo Long đã phối hợp chặt chẽ với cơ quan Y tế để nhanh chóng hoàn thành các mũi tiêm phòng Covid – 19 cho CBNV theo hướng dẫn của Chính phủ. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ mùa dịch, các chính sách phúc lợi luôn được Bảo Long đặc biệt quan tâm trong thời gian này, nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho CBNV toàn hệ thống.

4 THƯƠNG HIỆU

Để nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu, kết nối rộng rãi hơn với người tiêu dùng và cộng đồng kinh doanh trên toàn quốc, Bảo Long tiếp tục thực hiện các hoạt động quảng bá và truyền thông một cách xuyên suốt trong năm 2021. Trong đó, tiêu biểu nhất là Chinh sửa website, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO) tại website chính thức của Bảo Long, tổ chức thành công chương trình truyền thông mừng kỷ niệm 26 năm thành lập Bảo Long, cuộc thi "Sáng tạo bùng nổ, đập đổ thách thức".

Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện các chương trình từ thiện trong năm 2021 nhằm đưa thương hiệu Bảo Long tiến đến các giá trị nhân văn, tiêu biểu là hoạt động Đóng góp hơn 500 triệu cùng Tổ Quốc chống dịch Covid-19.

Năm 2021, Bảo Long vinh dự nhận được các giải thưởng lớn từ nhiều tổ chức uy tín như Thương hiệu Mạnh Việt Nam năm 2021, Thương hiệu Mạnh Châu Á năm 2021. Đây là minh chứng cho sự kiên định và nỗ lực không ngừng của Bảo Long trong nhiều năm để mang tới những sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2021

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2021 (tiếp theo)



5 QUY TRÌNH KINH DOANH

Nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng quản lý rủi ro của Bảo Long, trong năm 2021, Bảo Long tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình kinh doanh để đảm bảo sự hoạt động thông suốt, hiệu quả trên toàn hệ thống, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Theo đó, nhiều quy trình kinh doanh đã được hoàn thiện bao gồm quy trình hỗ trợ bán hàng, quy trình giám định bồi thường, quy trình quản lý kinh doanh.

6 NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Theo chiến lược 5 năm, Bảo Long vẫn đang làm việc và tiếp xúc với một số nhà đầu tư nước ngoài để thực hiện việc tăng vốn lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm 2022.

Bên cạnh mục tiêu tăng vốn để nâng cao năng lực tài chính, Bảo Long vẫn tiếp tục hoàn thiện quy trình quản lý tài chính đảm bảo tình hình tài chính công ty luôn luôn minh bạch, đáp ứng tốt các yêu cầu tuân thủ về thanh khoản và biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

7 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Với định hướng trở thành doanh nghiệp dẫn đầu về sự năng động cải tiến trong việc áp dụng CNTT vào hoạt động kinh doanh, Bảo Long tiếp tục triển khai các dự án CNTT, bao gồm:

- Từng bước triển khai xây dựng và phát triển hệ thống bảo hiểm số theo từng phân hệ. Trong đó, phân hệ XCG đã hoàn thành và đi vào hoạt động chính thức cùng với các phân hệ CRM, Kế toán. Phân hệ Con người và Tái bảo hiểm cũng đang được triển khai.
- Xây dựng API kết nối với các đối tác đối với các sản phẩm: Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm cháy nổ cho tài sản tại sạp / chợ, Bảo hiểm Bảo tâm an, Bảo hiểm xe máy.

8 QUẢN LÝ RỦI RO

Trên cơ sở Chiến lược QLRR đến năm 2022 đã được HĐQT thông qua, năm 2021 BL tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm đảm bảo công tác quản lý rủi ro vận hành toàn hệ thống được xuyên suốt và liên tục, cụ thể:

- Thường xuyên rà soát và hoàn thành điều chỉnh các quy trình kinh doanh.
- Duy trì thường xuyên và liên tục hoạt động kiểm tra từ xa trong toàn hệ thống, tập trung vào nghiệp vụ Xe cơ giới và Con người bao gồm công tác quản lý ấn chỉ, công tác khai thác và công tác bồi thường.

Về hoạt động Quản lý chất lượng, BL đã triển khai chương trình đánh giá nội bộ ISO 9001:2015 năm 2021.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH 2021

GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2022

KÊNH PHÂN PHỐI

Mở rộng và đa dạng hóa mạng lưới phân phối sản phẩm là động lực để tăng trưởng doanh số và thị phần



SẢN PHẨM

Hệ thống sản phẩm đa dạng và ưu việt, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng



NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao năng lực và sự gắn kết của đội ngũ nhân viên



THƯƠNG HIỆU

Nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu tại thị trường Việt Nam



CÔNG NGHỆ

Áp dụng những tiến bộ của công nghệ để tạo ra động lực và cơ hội phát triển cho toàn hệ thống



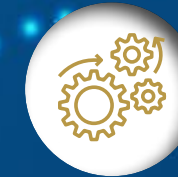
NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Mở rộng quy mô nguồn vốn chủ sở hữu và tăng cường quản lý chất lượng tài sản



QUY TRÌNH KINH DOANH

Cải tiến quy trình kinh doanh đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cũng như nhu cầu quản trị nội bộ



QUẢN LÝ RỦI RO

Xây dựng được ERM phù hợp với sự phát triển của hệ thống và thách thức của thị trường



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH 2021 (tiếp theo)

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 2022

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu (*)	TH 2021 Triệu đồng	KH 2022 Triệu đồng	Tăng trưởng %
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM			
- Doanh thu phí bảo hiểm	1.419.115	1.700.000	20%
- Chi phí hoạt động kinh doanh BH	(1.306.614)	(1.627.868)	25%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động KDBH	112.501	72.132	-36%
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
- Doanh thu	103.656	139.000	34%
- Chi phí	(6.911)	(9.000)	29%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	96.666	130.000	34%
Thu nhập từ hoạt động khác	295	-	-100%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(104.843)	(123.189)	17%
Tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế	104.619	78.942	-25%

QUY MÔ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	TH 2021 Triệu đồng	KH 2022 Triệu đồng	Tăng trưởng %
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	760.356	888.348	17%
Vốn chủ sở hữu (*)	732.302	717.628	(2%)
Danh mục đầu tư	1.087.651	1.243.633	14%
Tổng tài sản	2.290.574	2.500.000	9%

TRONG NĂM 2021, TUY BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH BỆNH NHƯNG DOANH THU PHÍ VẪN GIỮ ĐƯỢC MỨC TĂNG TRƯỞNG DƯƠNG. ĐÂY LÀ NỀN TẢNG GIÚP DOANH THU CÓ THỂ HỒI PHỤC NHANH KHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ỔN ĐỊNH TRỞ LẠI. DO ĐÓ, TRONG NĂM 2022 BẢO LONG TỰ TIN SẼ GẶT HAI ĐƯỢC NHỮNG THÀNH CÔNG MỚI VÀ KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH HƠN, XỨNG ĐÁNG TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ UY TÍN HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM.

NGUỒN NHÂN LỰC VÀ ĐÀO TẠO

BẢO LONG LUÔN TIN RẰNG BẰNG CÁCH TỐI ĐA HÓA ĐỘNG LỰC CỦA MỖI NHÂN VIÊN, CÔNG TY CÓ THỂ TĂNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG VÀ LIÊN TỤC NÂNG CAO GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CỔ ĐÔNG. BẢO LONG ĐÃ THỰC HIỆN NHIỀU BIỆN PHÁP ĐỂ CÓ THỂ ĐẢM BẢO RẰNG MỖI THÀNH VIÊN ĐỀU CẢM THẤY HÀI LÒNG VỚI CÔNG VIỆC VÀ NUÔI TRỒNG TRONG MÌNH ĐỘNG LỰC TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN HƠN NỮA CÙNG CÔNG TY.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Xây dựng được một nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao và đủ khả năng thích ứng với những biến đổi liên tục của môi trường cạnh tranh khốc liệt. Mỗi cá nhân trong Công ty được bồi dưỡng,

tạo cơ hội để được thử sức và phát huy tài năng trong một môi trường đoàn kết, gắn bó cùng chung một mục tiêu. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi với kinh nghiệm lâu năm tại Bảo Long.

Bảo Long luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc trung thực, cởi mở và là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới, chế độ đãi ngộ tương xứng và truyền tải sự tự hào và quyền sở hữu trong Công ty.



CƠ CẤU NGUỒN NHÂN LỰC

Tính đến hết tháng 5/12/2021, số lượng nhân sự Bảo Long đạt 977 người, các Khối Kinh doanh chiếm 72,5% toàn nguồn lực Bảo Long. Xét về trình độ học vấn, nhân sự có trình độ đại học và sau đại học chiếm 70%. Xét về

độ tuổi, lực lượng lao động Bảo Long ngày càng được trẻ hóa (88,3% nhân sự có độ tuổi dưới 40), được đào tạo bài bản và sẵn sàng cọ xát để tích lũy thêm kinh nghiệm. Ngoài ra đội ngũ nhân viên lao động có kinh nghiệm

bảo hiểm trên 10 năm chiếm 29%. Đội ngũ Bảo Long không ngừng cập nhật các kiến thức, thông tin mới để tạo nền tảng vững chắc giúp Công ty mang lại những giá trị gia tăng hiệu quả cho Khách hàng.

977

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
ĐẾN 15/12/2021

29%

LAO ĐỘNG CÓ KINH
NGHIỆM BẢO HIỂM
TRÊN 10 NĂM

70%

LAO ĐỘNG CÓ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
& SAU ĐẠI HỌC

Chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, trang bị bảo hiểm kết hợp sức khỏe và tai nạn, bảo hiểm xe máy cho CBNV hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, các ngày Lễ trong năm...

03

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 59 Quản trị Doanh nghiệp hướng đến phát triển bền vững
- 60 Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan
- 62 Trách nhiệm với môi trường



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhận biết được tầm quan trọng của Quản trị Doanh nghiệp trong thời gian qua, Bảo Long luôn rà soát và điều chỉnh mô hình hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, tiếp cận các chuẩn mực Quốc tế để kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt

Là một Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, sứ mệnh mà tập thể CBNV Bảo Long luôn tâm niệm là **"Tạo dựng một cộng đồng bình an và thịnh vượng"**. Bên cạnh việc chung tay phòng chống đại dịch Covid-19 thông qua Mặt trận Tổ Quốc, khi đối mặt với tình hình thiên tai trong năm 2021, tập thể CBNV Bảo Long đã tích cực đồng hành, đồng chia sẻ hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi hạn mặn tại các tỉnh Miền Tây, lũ lụt tại các tỉnh miền Trung. Ngoài ra, Bảo Long cũng đã có những món quà thiết thực gửi đến các bé tại Làng Trẻ em Maison Chance bằng một phần tiền lương của mình.

Tập thể CBNV Bảo Long quyết tâm nỗ lực hết mình để chung tay góp phần đưa Bảo Long ngày một tiến xa, mang lại nhiều giá trị tốt đẹp hơn nữa cho cộng đồng và cho xã hội.

NĂM 2021 LÀ MỘT NĂM ĐẶC BIỆT, LÀN SÓNG DỊCH BỆNH COVID-19 LẦN THỨ 4 BÙNG PHÁT, KÉO DÀI LÀM ẢNH HƯỞNG ĐẾN HẦU HẾT CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI. TUY NHIÊN, VỚI SỰ NỖ LỰC, QUYẾT TÂM CỦA BẢO LONG MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ĐÃ TRỞ LẠI TRẠNG THÁI BÌNH THƯỜNG MỚI.

động kinh doanh. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của Cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm Khách hàng, Người Lao động và Cộng đồng.



BẢO HIỂM BẢO LONG
NỖ LỰC BỨT PHÁ
TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID - 19

XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

TẠI BẢO LONG VIỆC KIỂM SOÁT TUÂN THỦ TOÀN HỆ THỐNG THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CƠ CHẾ VÀ KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT TUÂN THỦ.

Bảo Long luôn hoạt động trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Với tôn chỉ đó, Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử Cán bộ nhân viên tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.

BẢO LONG TIẾP TỤC TẬP TRUNG XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ DỰA TRÊN NIỀM TIN, UY TÍN ĐẢM BẢO TỐI ĐA GIÁ TRỊ VÀ LỢI ÍCH.

Năm 2020, Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng Thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với Nhà đầu tư, Cổ đông:

Phát triển hiệu quả, gia tăng giá trị tài sản

- Thực hiện Quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bảo toàn và gia tăng giá trị tài sản, bao gồm Tài sản hữu hình và Tài sản vô hình của Doanh nghiệp, qua đó gia tăng giá trị Cổ đông.

Tạo dựng kênh truyền thông, đối thoại mở

- Tạo lập và duy trì các kênh thông tin hiệu quả cho Nhà đầu tư, Cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng. Nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan để chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiến lược mang lại giá trị cho Nhà đầu tư, Cổ đông.

Minh bạch thông tin tài chính

- Minh bạch số liệu tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các Nhà đầu tư, Cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

VỚI PHƯƠNG CHÂM “ĐỒNG HÀNH, ĐỒNG CHIA SẺ” BẢO LONG KHÔNG NGỪNG CẢI TIẾN ĐỂ MANG LẠI DỊCH VỤ TỐT NHẤT CHO CÁC KHÁCH HÀNG.

Bảo Long cam kết mang đến cho Khách hàng những sản phẩm phù hợp và dịch vụ nhanh chóng, kịp thời thông qua hệ thống phân phối đa dạng, trải rộng như qua kênh Bancassurance, kênh Môi giới, Mobilassurance... Đặc biệt là dịch vụ bồi thường nhanh chóng và chính xác. Ngoài ra, Bảo Long liên tục nâng cấp mạng lưới chăm sóc Khách hàng và Trung tâm chăm sóc Khách hàng tập trung (call center) hỗ trợ 24/7.

Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Khách hàng. Đến nay, Bảo Long đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống Giám định ngành dọc và đi vào hoạt động. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định - bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

“CON NGƯỜI LÀ TÀI SẢN VÔ GIÁ”, GÓP PHẦN HIỆU QUẢ VÀO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BẢO LONG.

Đối với Bảo Long, “Con người là tài sản vô giá”. Chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Bảo Long luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh, để tập thể cán bộ nhân viên Bảo Long phát huy hết khả năng, góp phần hiệu quả vào kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Long.

Bảo Long cam kết đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách lương, thưởng, phúc lợi cho Người Lao động theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG

Vấn đề năng lượng và tiết kiệm năng lượng luôn được đặc biệt chú trọng. Bảo Long có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tốn năng lượng và khí thải.

Giải pháp tiêu thụ điện hiệu quả

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27 0 C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hoà....
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).

CHẤT THẢI RẮN

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong Công ty. Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả...

Giải pháp xử lý

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Long đều trang bị cá thùng đựng rác để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh Công ty dọn dẹp trong từng phòng và quét dọn hành lang, bãi xe và khu vực xung quanh tòa nhà.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa công ty.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in tài liệu.
- Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...

CHẤT THẢI KHÍ

Chất thải khí phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông:

- Các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà.
- Các phương tiện tham gia giao thông.
- Sự gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí sẽ kéo theo các tác động về sức khỏe của nhân viên trong Công ty.

Biện pháp và quy trình xử lý kỹ thuật

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tắt máy xe khi đi vào Công ty.
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại Bảo Long.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà Công ty.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.

Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Bảo Long luôn bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc để bảo vệ sức khỏe của Người Lao động.

ỨNG DỤNG CNTT VÀ TRUYỀN THÔNG

Sử dụng phần mềm quản lý văn bản trực tuyến tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Bảo Long. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị trong hệ thống nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.



04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

- 66 Thông tin về Tổng Công ty
- 67 Báo cáo của Ban Điều hành
- 68 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 70 Bảng cân đối kế toán
- 74 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 77 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 79 Thuyết minh báo cáo tài chính



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số

1529/GP-UB ngày 11 tháng 7 năm 1995
Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH ngày 9 tháng 6 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong vòng 99 năm kể từ ngày 11 tháng 7 năm 1995.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số

059614 ngày 2 tháng 8 năm 1995
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Trương Khánh Hoàng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thanh Hải	Thành viên (từ ngày 30 tháng 3 năm 2021)
Ông Nguyễn Cửu Tính	Thành viên
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh Hải	Thành viên (đến ngày 30 tháng 3 năm 2021)

Ban Điều hành

Bà Lê Thị Ngọc Hương	Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 3 năm 2022)
Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 5 tháng 3 năm 2022)
Bà Phạm Minh Châm	Phó Tổng Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Tài chính
Ông Hà Minh Hiếu	Kế toán trưởng
Bà Nguyễn Thúy Hằng	Giám đốc khối Hỗ trợ kiêm Chánh Văn phòng HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Bình	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Thành viên
Ông Võ Hoàng Duy Trinh	Thành viên
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên

Trụ sở đăng ký

185 Điện Biên Phủ
Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Tổng Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành Báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Lê Thị Ngọc Hương

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, ngày 22 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wash Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00339-22-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		2.103.112.308.798	1.919.351.501.543
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	676.700.501.854	422.206.150.656
Tiền	111		384.380.639.449	250.950.143.598
Các khoản tương đương tiền	112		292.319.862.405	171.256.007.058
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		743.938.720.441	697.555.148.870
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	82.041.184.837	69.970.644.723
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(3.947.452.312)	(3.918.306.952)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	665.844.987.916	631.502.811.099
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	298.543.861.715	360.994.122.131
Phải thu của khách hàng	131		246.977.980.002	298.625.189.220
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	131.1		246.977.980.002	298.625.189.220
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		94.534.879.218	91.341.567.595
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.968.997.505)	(28.972.634.684)
Hàng tồn kho	140		654.500.690	517.667.110
Hàng tồn kho	141		654.500.690	517.667.110
Tài sản ngắn hạn khác	150		84.230.722.550	89.525.733.173
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	84.230.722.550	89.525.733.173
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	151.1		83.353.873.817	88.434.409.907
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	151.2		876.848.733	1.091.323.266
Tài sản tái bảo hiểm	190	17(a)	299.044.001.548	348.552.679.603
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		212.684.385.594	241.313.664.374
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		86.359.615.954	107.239.015.229

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		187.462.145.099	362.324.625.687
Các khoản phải thu dài hạn	210		13.068.224.306	16.832.980.875
Phải thu dài hạn khác	218	6	13.068.224.306	16.832.980.875
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		1.068.224.306	4.832.980.875
Tài sản cố định	220		107.374.320.091	96.916.295.401
Tài sản cố định hữu hình	221	8	21.732.025.989	20.902.648.093
<i>Nguyên giá</i>	222		45.773.120.164	43.842.985.240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(24.041.094.175)	(22.940.337.147)
Tài sản cố định vô hình	227	9	72.414.014.102	72.807.607.308
<i>Nguyên giá</i>	228		81.426.310.127	81.426.310.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.012.296.025)	(8.618.702.819)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	13.228.280.000	3.206.040.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	34.000.000.000	205.010.400.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		35.503.000.000	206.513.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		33.019.600.702	43.564.949.411
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	21.479.966.634	22.187.254.522
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	6.083.149.955	17.160.420.706
Tài sản dài hạn khác	268		5.456.484.113	4.217.274.183
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.290.574.453.897	2.281.676.127.230

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.558.271.988.824	1.575.401.404.181
Nợ ngắn hạn	310		1.554.545.589.491	1.571.525.004.848
Phải trả cho người bán	312		303.802.792.295	293.684.179.339
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	312.1	13	303.802.792.295	293.684.179.339
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	11.853.775.305	28.856.668.409
Phải trả người lao động	315		7.559.577.497	6.499.738.815
Chi phí phải trả	316		46.099.598.805	24.913.724.208
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		13.249.660.735	15.237.226.564
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	47.578.848.251	37.773.340.973
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	65.001.201.436	85.216.198.805
Dự phòng nghiệp vụ	329		1.059.400.135.167	1.079.343.927.735
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.1	17(a)	642.828.375.544	691.449.473.331
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2	17(a)	334.083.034.511	314.513.898.819
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3	17(b)	82.488.725.112	73.380.555.585
Nợ dài hạn	330		3.726.399.333	3.876.399.333
Phải trả dài hạn khác	333		280.000.000	30.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn khác	342		3.446.399.333	3.846.399.333
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		732.302.465.073	706.274.723.049
Vốn chủ sở hữu	410	18	732.302.465.073	706.274.723.049
Vốn cổ phần	411		600.000.000.000	600.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(415.994.845)	(415.994.845)
Cổ phiếu quỹ	414		(5.260.000)	(5.260.000)
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		25.386.364.649	21.238.002.507
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.777.766.140	6.781.215.208
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.559.589.129	78.676.760.179
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	270		2.290.574.453.897	2.281.676.127.230

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm – phí bảo hiểm gốc		86.669.669.606	86.424.621.324
Nợ khó đòi đã xử lý		14.269.218.702	14.271.018.820
Ngoại tệ – USD	33(b)	1.646.284	343.456

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:


Châu Hậu Doanh
Người lập


Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng


Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

	Mã số	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.092.236.268.741	937.642.619.938
Doanh thu hoạt động tài chính	12	103.656.230.835	113.468.695.500
Thu nhập khác	13	1.032.895.371	757.636.605
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	802.127.681.371	719.070.066.092
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.990.629.125	5.795.656.352
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	282.449.879.617	242.963.480.950
Chi phí khác	24	737.959.584	649.324.264
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24)	50	104.619.245.250	83.390.424.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	10.574.731.649	27.339.358.401
Chi phí / (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	11.077.270.751	(10.538.954.720)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60	82.967.242.850	66.590.020.704
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.333	1.079

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01		1.467.736.144.782	1.297.429.955.144
Trong đó:				
– Phí bảo hiểm gốc	01.1	20(a)	1.237.059.394.829	1.274.703.870.180
– Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	20(b)	182.055.652.166	163.357.946.159
– (Giảm)/tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	17(a)(ii)	(48.621.097.787)	140.631.861.195
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02		536.927.373.026	534.155.630.004
Trong đó:				
– Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	02	508.298.094.246	553.022.400.995
– (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	17(a)(ii)	(28.629.278.780)	18.866.770.991
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03		930.808.771.756	763.274.325.140
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		161.427.496.985	174.368.294.798
Trong đó:				
– Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	22	161.178.778.934	172.156.606.724
– Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		248.718.051	2.211.688.074
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.092.236.268.741	937.642.619.938
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	23	471.287.813.580	453.271.029.964
Trong đó:				
– Tổng chi bồi thường	11.1		472.032.329.020	456.181.502.787
– Các khoản giảm trừ (thu đòi bên thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)	11.2		(744.515.440)	(2.910.472.823)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24	181.947.699.770	456.181.502.787
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17(a)(i)	19.569.135.692	40.149.700.748
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17(a)(i)	(20.879.399.275)	6.752.971.415
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15		329.788.648.777	237.219.390.354

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	17b	9.108.169.527	8.850.394.154
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	463.230.863.067	473.000.281.584
Trong đó:				
– Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		150.987.835.458	107.802.297.672
– Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		312.243.027.609	365.197.983.912
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		802.127.681.371	719.070.066.092
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	19		290.108.587.370	218.572.553.846
Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	103.656.230.835	113.468.695.500
Chi phí hoạt động tài chính	24	27	6.990.629.125	5.795.656.352
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)	25		96.665.601.710	107.673.039.148
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	282.449.879.617	242.963.480.950
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 – 26)	30		104.324.309.463	83.282.112.044
Thu nhập khác	31		1.032.895.371	757.636.605
Chi phí khác	32		737.959.584	649.324.264
Lãi khác (40 = 31 – 32)	40		294.935.787	108.312.341
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		104.619.245.250	83.390.424.385
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	10.574.731.649	27.339.358.401
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	29	11.077.270.751	(10.538.954.720)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	40		82.967.242.850	66.590.020.704
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.333	1.079

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Châu Hậu Doanh Doanh
Người lập

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.435.472.922.227	1.414.529.729.035
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	170.745.191.560	204.736.885.620
Tiền chi			
Tiền chi trả người bán và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.004.635.423.993)	(1.004.635.423.993)
Tiền chi trả người lao động	03	(187.246.505.038)	(186.956.019.881)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	05	(28.202.165.832)	(13.192.090.894)
Tiền chi khác từ các hoạt động kinh doanh	07	(309.277.137.446)	(324.652.629.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	76.856.881.478	47.633.874.735
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.469.124.924)	(4.555.892.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	481.000.000	653.618.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.284.793.059.930)	(18.630.661.491.135)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	24.442.681.492.845	18.593.542.785.777
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.760.161.835	102.055.728.274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	232.660.469.826	61.034.749.007

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(55.423.733.943)	(34.222.043.721)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(55.423.733.943)	(34.222.043.721)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	254.093.617.361	74.446.580.021
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	422.206.150.656	347.704.234.926
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	400.733.837	55.335.709
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	676.700.501.854	422.206.150.656

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Châu Hậu Doanh Doanh
Người lập

Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1529/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/GPĐC19/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 9 tháng 6 năm 2017.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”) vào ngày 11 tháng 12 năm 2015 với mã chứng khoán là “BLI”.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên tại các thành phố và tỉnh thành Việt Nam (31/12/2020: một (1) trụ sở chính và bốn mươi sáu (46) công ty thành viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam bao gồm kinh doanh bảo hiểm gốc, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 970 nhân viên (31/12/2020: 968 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Báo cáo tài chính được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm, và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập như sau:

Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(l)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
• phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
• máy móc và thiết bị	6 – 13 năm
• thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu gồm chi phí cải tạo, nâng cấp và trang trí văn phòng được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ các khoản dự phòng nghiệp vụ được đề cập tại Thuyết minh 3(l), được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Công văn số 792/BTC-QLBH ngày 19 tháng 1 năm 2018 (“Công văn 792”) do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phần rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/24. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một tháng của doanh nghiệp bảo hiểm được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này. Số tiền bồi thường ước tính được tính cho từng vụ tổn thất.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng IBNR đang được áp dụng theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường được tính và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, và nhận tái bảo hiểm và hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi quỹ dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ kế toán và được trích lập dựa trên doanh thu phí bảo hiểm giữ lại và kinh nghiệm của Ban Điều hành Tổng Công ty về dữ liệu quá khứ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – Hợp đồng Bảo hiểm (“VAS 19”), các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính hiện chưa ban hành các hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng VAS 19 nên dự phòng dao động lớn được Tổng Công ty trích lập hàng năm theo Công văn 792 theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(I) Dự phòng nghiệp vụ

(iv) Dự phòng nghiệp vụ đối với bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Dự phòng toán học cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được tính như sau:

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe (trừ các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn): dự phòng toán học được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/8. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một quý của Tổng Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn: dự phòng toán học được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/365. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một ngày của Tổng Công ty được phân bổ đều cuối ngày hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một ngày cụ thể được giả định là có hiệu lực vào cuối ngày đó.

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng cho bảo hiểm sức khỏe áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ 1/24. Phương pháp tính này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm phát hành trong một tháng của Tổng Công ty được phân bổ đều trong tháng, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm của một tháng cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa tháng đó.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này. Số tiền bồi thường ước tính được tính cho từng vụ tổn thất.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng IBNR được trích theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng đảm bảo cân đối

Dự phòng này được trích lập hàng năm theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(n) Các quỹ

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Quỹ dự trữ này không do pháp luật quy định, được phép phân phối hết và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Nghị định 73 và Thông tư 50.

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) đối với hoạt động bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm đối với hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày hiệu lực và phí bảo hiểm phải thu liên quan đến kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên hay hợp đồng đóng phí bảo hiểm một lần bị quá hạn trên 30 ngày.

Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thỏa thuận. Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận ở phần “Phí bảo hiểm trả trước” trên bảng cân đối kế toán.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

(r) Doanh thu từ các hoạt động đầu tư

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(s) Hoạt động tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(l)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(t) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong một kỳ kế toán dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(t) Chi phí bồi thường bảo hiểm (tiếp theo)

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong năm kế toán liên quan đến các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các kỳ trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

(u) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(v) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Tổng Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động trên một bộ phận là hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và hoạt động trên một khu vực địa lý là Việt Nam.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

(z) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên các Báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền mặt	2.937.669.745	2.046.123.126
Tiền gửi ngân hàng	381.442.969.704	248.904.020.472
Các khoản tương đương tiền (i)	292.319.862.405	171.256.007.058
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>676.700.501.854</u>	<u>422.206.150.656</u>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND và có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là từ 4,40% đến 8,00% (31/12/2020: 5,90% đến 8,90%).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			31/12/2020				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị thuần VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị thuần VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết								
QTP	560.000	7.533.579.487	7.533.579.487	-	-	-	-	-
VCB	71.300	7.121.021.294	5.618.440.000	(1.502.581.294)	-	-	-	-
TCB	140.000	7.000.894.118	7.000.000.000	(894.118)	260.000	6.551.000.000	6.551.000.000	-
TDM	230.000	6.889.235.000	6.889.235.000	-	-	-	-	-
CTD	90.000	6.383.000.000	6.383.000.000	-	-	-	-	-
QNS	150.000	6.001.310.000	6.001.310.000	-	-	-	-	-
DIG	499.227	5.801.831.136	5.801.831.136	-	387.904	5.801.890.964	5.350.890.964	(451.000.000)
VHC	100.000	5.308.380.000	5.308.380.000	-	110.000	5.005.000.000	5.005.000.000	-
REE	-	-	-	-	210.000	9.933.000.000	9.933.000.000	-
FPT	-	-	-	-	120.000	6.768.500.000	6.768.500.000	-
MWG	-	-	-	-	40.000	4.717.000.000	4.717.000.000	-
Cổ phiếu khác	332.758	10.039.937.802	7.595.960.902	(2.443.976.900)	633.867	11.232.257.759	7.764.950.807	(3.467.306.952)
		<u>62.079.188.837</u>	<u>58.131.736.525</u>	<u>(3.947.452.312)</u>		<u>50.008.648.723</u>	<u>46.090.341.771</u>	<u>(3.918.306.952)</u>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

	31/12/2021			31/12/2020				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị thuần VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị thuần VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Quý Đầu tư Doanh nghiệp	1.153.173	19.961.996.000	19.961.996.000	-	1.153.173	19.961.996.000	19.961.996.000	-
Hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)								
		<u>19.961.996.000</u>	<u>19.961.996.000</u>	<u>-</u>		<u>19.961.996.000</u>	<u>19.961.996.000</u>	<u>-</u>
		82.041.184.837	78.093.732.525	(3.947.452.312)		69.970.644.723	66.052.337.771	(3.918.306.952)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.918.306.952	10.369.692.890
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	29.145.360	(6.451.385.938)
Số dư cuối năm	3.947.452.312	3.918.306.952

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn (i)	530.776.588.016	581.502.811.099
• Trái phiếu (ii)	135.068.399.900	50.000.000.000
	665.844.987.916	631.502.811.099
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn (iii)	24.000.000.000	165.000.000.000
• Trái phiếu (iv)	11.503.000.000	41.513.400.000
	35.503.000.000	206.513.400.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (v)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	34.000.000.000	205.010.400.000

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 1 năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất năm từ 4,60% đến 9,40% (31/12/2020: từ 4,90% đến 8,90%).
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt, Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thành Công và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tân Việt và SG3 Capital có kỳ hạn 1 năm với mức lãi suất năm lần lượt là 9,30%, 9,00%, 9,50% và 10,00%.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại trên 1 năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán với mức lãi suất năm từ 5,10% đến 6,40% (31/12/2020: 5,50% đến 9,40%).

- (iv) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Công Ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

- (v) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.503.000.000	2.268.672.000
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	-	(765.672.000)
Số dư cuối năm	1.503.000.000	1.503.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	53.030.928.320	56.600.349.802
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	98.008.958.541	57.312.297.024
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	89.599.174.797	180.761.520.664
Phải thu bồi thường từ nhà đồng bảo hiểm	6.242.683.967	3.854.787.353
Phải thu khác	96.234.377	96.234.377
	246.977.980.002	298.625.189.220
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(38.384.820.750)	(24.655.818.234)
Tổng phải thu về hợp đồng bảo hiểm thuần	208.593.159.252	273.969.370.986

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	31.698.732.367	31.697.552.924
Tạm ứng chi phí kinh doanh	37.387.000.632	26.558.256.761
Tạm ứng bồi thường	10.619.569.191	22.639.013.119
Ký quỹ ngắn hạn	1.469.974.245	1.138.319.409
Phải thu khác	13.359.602.783	9.308.425.382
	94.534.879.218	91.341.567.595
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.584.176.755)	(4.316.816.450)
Tổng phải thu ngắn hạn khác thuần	89.950.702.463	87.024.751.145

(c) Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	1.068.224.306	4.832.980.875
	13.068.224.306	16.832.980.875

- (i) Theo Nghị định 73, Tổng Công ty được yêu cầu phải ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại một ngân hàng thương mại được cấp phép tại Việt Nam bằng 2% vốn pháp định. Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, lãi từ tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc có thể được rút ra bất kỳ lúc nào.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch và hưởng lãi suất năm là 6,70% (31/12/2020: 6,92%).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(d) Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2020			31/12/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	246.977.980.002	38.384.820.750	208.593.159.252	298.625.189.220	24.655.818.234	273.969.370.986
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.584.176.755	4.584.176.755	-	4.316.816.450	4.316.816.450	-
	251.562.156.757	42.968.997.505	208.593.159.252	302.942.005.670	28.972.634.684	273.969.370.986
Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:						
Số dư đầu năm				28.972.634.684		21.922.943.303
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)				13.994.562.703		6.433.982.395
Tăng khác				1.800.118		615.708.986
Số dư cuối năm				42.968.997.505		28.972.634.684

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	83.353.873.817	88.434.409.907
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	876.848.733	1.091.323.266
	84.230.722.550	89.525.733.173

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	88.434.409.907	45.326.508.796
Tăng trong năm	145.907.299.368	150.910.198.783
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 25)	(150.987.835.458)	(107.802.297.672)
Số dư cuối năm	83.353.873.817	88.434.409.907

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	28.971.897.765	7.293.904.255	1.481.297.319	6.095.885.901	43.842.985.240
Tăng trong năm	-	2.947.283.833	-	499.601.091	3.446.884.924
Thanh lý	-	(1.516.750.000)	-	-	(1.516.750.000)
Số dư cuối năm	28.971.897.765	8.724.438.088	1.481.297.319	6.595.486.992	45.773.120.164
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.658.678.495	4.899.622.362	831.297.267	5.550.739.023	22.940.337.147
Khấu hao trong năm	1.029.797.412	844.012.189	173.333.304	253.886.402	2.301.029.307
Thanh lý	-	(1.200.272.279)	-	-	(1.200.272.279)
Số dư cuối năm	12.688.475.907	4.543.362.272	1.004.630.571	5.804.625.425	24.041.094.175
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	17.313.219.270	2.394.281.893	650.000.052	545.146.878	20.902.648.093
Số dư cuối năm	16.283.421.858	4.181.075.816	476.666.748	790.861.567	21.732.025.989

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Phương tiện vận chuyển VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.636.606.170	8.830.817.723	1.481.297.319	6.007.585.901	42.956.307.113
Tăng trong năm	-	131.818.182	-	88.300.000	220.118.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.668.731.650)	-	-	(1.668.731.650)
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.335.291.595	-	-	-	2.335.291.595
Số dư cuối năm	28.971.897.765	7.293.904.255	1.481.297.319	6.095.885.901	43.842.985.240
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.735.915.285	5.656.736.381	653.276.289	5.333.641.494	22.379.569.449
Khấu hao trong năm	922.763.210	722.817.044	178.020.978	217.097.529	2.040.698.761
Giảm do thanh lý	-	(1.479.931.063)	-	-	(1.479.931.063)
Số dư cuối năm	11.658.678.495	4.899.622.362	831.297.267	5.550.739.023	22.940.337.147
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	15.900.690.885	3.174.081.342	828.021.030	673.944.407	20.576.737.664
Số dư cuối năm	17.313.219.270	2.394.281.893	650.000.052	545.146.878	20.902.648.093

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 6.129 triệu VND (31/12/2020: 6.911 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Bao gồm một căn nhà với giá trị còn lại là 4.180.181.819 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác và Tổng Công ty đã ngừng trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 9 và Thuyết minh 15(i)).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.406.355.363	3.212.347.456	8.618.702.819
Khấu hao trong năm	46	393.593.160	393.593.206
Số dư cuối năm	5.406.355.409	3.605.940.616	9.012.296.025
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	71.495.854.764	1.311.752.544	72.807.607.308
Số dư cuối năm	71.495.854.718	918.159.384	72.414.014.102

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	70.612.302.449	3.992.200.000	74.604.502.449
Tăng trong năm	-	347.700.000	347.700.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.289.907.678	184.200.000	6.474.107.678
Số dư cuối năm	76.902.210.127	4.524.100.000	81.426.310.127
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.990.481.875	2.844.049.296	7.834.531.171
Khấu hao trong kỳ	415.873.488	368.298.160	784.171.648
Số dư cuối năm	5.406.355.363	3.212.347.456	8.618.702.819
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	65.621.820.574	1.148.150.704	66.769.971.278
Số dư cuối năm	71.495.854.764	1.311.752.544	72.807.607.308

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 7.850 triệu VND (31/12/2020: 7.850 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Bao gồm một quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.470.585.373 đồng đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 15(i)).

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.206.040.000	7.650.000.000
Tăng trong năm	10.022.240.000	4.365.439.273
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.335.291.595)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(6.474.107.678)
Số dư cuối năm	13.228.280.000	3.206.040.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 1)	10.152.460.000	3.206.040.000
Dịch vụ triển khai hệ thống bảo hiểm số (giai đoạn 2)	1.535.820.000	-
Hệ thống quản lý trực tuyến Fast Business	1.540.000.000	-
	13.228.280.000	3.206.040.000

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí bảo hiểm cho nhân viên VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	18.977.520.833	953.990.808	631.553.627	1.624.189.254	22.187.254.522
Tăng trong năm	20.828.100.000	829.785.023	455.302.455	1.223.145.638	23.336.333.116
Phân bổ trong năm	(20.713.195.833)	(1.029.502.284)	(571.576.241)	(1.729.346.646)	(24.043.621.004)
Số dư cuối năm	19.092.425.000	754.273.547	515.279.841	1.117.988.246	21.479.966.634

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Thuế suất	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	6.083.149.955	17.160.420.706

13. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	249.545.869.660	244.043.561.004
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	25.138.975.205	35.041.420.698
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	13.804.264.506	4.686.607.745
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	12.181.736.574	8.238.534.460
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	2.017.372.117	1.031.035.400
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1.114.574.233	643.020.032
	303.802.792.295	293.684.179.339

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ cấn trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.405.161.220	84.381.952.546	(84.243.935.669)	7.543.178.097
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.699.810.579	10.574.731.649	(28.202.165.832)	1.072.376.396
Thuế thu nhập cá nhân	2.238.140.653	13.580.280.024	(13.032.581.931)	2.785.838.746
Thuế khác	513.555.957	1.963.771.893	(2.024.945.784)	452.382.066
	28.856.668.409	110.500.736.112	(127.503.629.216)	11.853.775.305

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (i)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả cổ tức	8.731.932.097	7.216.165.214
Phí bảo hiểm nhận được từ khách hàng không xác định	6.257.045.709	3.351.086.601
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (ii)	6.069.087.919	6.437.860.981
Phải trả Quỹ Quản lý giám sát bảo hiểm	2.096.007.748	1.670.273.233
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	1.447.746.659	1.029.028.634
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	514.567.540	46.694.335
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	440.604.112	380.643.704
Phải trả Quỹ xe cơ giới	-	53.221.548
Phải trả khác	12.885.492.831	8.452.003.087
	47.578.848.251	37.773.340.973

(i) Đây là số tiền Tổng Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Tổng Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nên Tổng Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 9).

(ii) Đây là số tiền bồi thường phân bổ cho các công ty tái bảo hiểm liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	85.216.198.805	81.195.340.549
Tăng trong năm	140.963.781.565	176.177.464.980
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 22)	(161.178.778.934)	(172.156.606.724)
Số dư cuối năm	65.001.201.436	85.216.198.805

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557
• Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	291.509.583.102	71.110.673.116	220.398.909.986
• Dự phòng IBNR	42.573.451.409	15.248.942.838	27.324.508.571
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950
	976.911.410.055	299.044.001.548	677.867.408.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường	314.513.898.819	107.239.015.229	207.274.883.590
• Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	271.372.044.329	90.648.343.199	180.723.701.130
• Dự phòng IBNR	43.141.854.490	16.590.672.030	26.551.182.460
Dự phòng phí chưa được hưởng	691.449.473.331	241.313.664.374	450.135.808.957
	1.005.963.372.150	348.552.679.603	657.410.692.547

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

17. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (TIẾP THEO)

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	314.513.898.819	107.239.015.229	207.274.883.590
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng trong năm	19.569.135.692	(20.879.399.275)	40.448.534.967
Số dư cuối năm	334.083.034.511	86.359.615.954	247.723.418.557

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	274.364.198.071	100.486.043.814	173.878.154.257
Trích lập dự phòng trong năm	40.149.700.748	6.752.971.415	33.396.729.333
Số dư cuối năm	314.513.898.819	107.239.015.229	207.274.883.590

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	691.449.473.331	241.313.664.374	450.135.808.957
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(48.621.097.787)	(28.629.278.780)	(19.991.819.007)
Số dư cuối năm	642.828.375.544	212.684.385.594	430.143.989.950

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	550.817.612.136	222.446.893.383	328.370.718.753
Trích lập dự phòng trong năm	140.631.861.195	18.866.770.991	121.765.090.204
Số dư cuối năm	691.449.473.331	241.313.664.374	450.135.808.957

(b) Dự phòng dao động lớn

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	73.380.555.585	64.530.161.431
Trích lập dự phòng trong năm	9.108.169.527	8.850.394.154
Số dư cuối năm	82.488.725.112	73.380.555.585

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU
(a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	17.908.501.472	4.911.634.120	52.805.510.206	675.204.390.953
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	66.590.020.704	66.590.020.704
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(35.519.688.608)	(35.519.688.608)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	1.869.581.088	(1.869.581.088)	-
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	3.329.501.035	-	(3.329.501.035)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	21.238.002.507	6.781.215.208	78.676.760.179	706.274.723.049
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	82.967.242.850	82.967.242.850
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(56.939.500.826)	(56.939.500.826)
Phân bổ vào các quỹ (i)	-	-	-	-	2.996.550.932	(2.996.550.932)	-
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	4.148.362.142	-	(4.148.362.142)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	600.000.000.000	(415.994.845)	(5.260.000)	25.386.364.649	9.777.766.140	97.559.589.129	732.302.465.073

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh thực tế giai đoạn 2016 – 2022, Tổng Công ty sẽ trích tỷ lệ từ 5% – 20% nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (sau khi trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) của từng năm để tạo nguồn thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Theo đó, Tổng Công ty đã trích thêm vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu với số tiền 2.996.550.932 đồng, tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2020 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Khoản thưởng này vẫn chưa chi trả cho nhân viên và vẫn đang ghi nhận ở khoản mục quỹ khác của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(b) Vốn cổ phần

	31/12/2021		31/12/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000.000	60.000.000	600.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(526)	(5.260.000)	(526)	(5.260.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.474	599.994.740.000	59.999.474	599.994.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

	Số lượng cổ phiếu	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80%
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51%
Các cổ đông cá nhân khác	7.013.481	11,69%
	59.999.474	100%

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

19. CỔ TỨC

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua quyết định phân phối khoản cổ tức 56.939.500.826 VND cho các nhà đầu tư (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 35.519.688.608 VND).

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	498.511.355.416	553.600.892.454
Bảo hiểm con người	283.364.658.615	348.855.557.556
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	263.726.647.921	221.354.935.152
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	89.326.699.027	58.634.030.833
Bảo hiểm tàu	47.342.049.860	53.287.381.848
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	48.785.502.353	33.394.026.186
Bảo hiểm thuyền viên	6.002.481.637	5.577.046.151
	1.237.059.394.829	1.274.703.870.180

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	38.587.426.177	24.652.931.576
Bảo hiểm con người	35.091.164.284	48.661.371.437
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	92.259.303.849	79.696.490.712
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	918.930.913	792.275.297
Bảo hiểm tàu thuyền	442.859.494	1.230.098.961
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	14.755.967.449	8.324.778.176
	182.055.652.166	163.357.946.159

21. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	123.340.218.626	224.104.989.982
Bảo hiểm con người	133.566.619.615	147.717.108.698
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	173.725.800.869	130.072.521.837
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	33.524.273.417	21.527.787.198
Bảo hiểm tàu thuyền	15.738.334.414	16.032.346.670
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	27.787.172.762	13.567.646.610
Bảo hiểm thuyền viên	615.674.543	-
	508.298.094.246	553.022.400.995

22. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	65.903.348.659	86.335.603.829
Bảo hiểm con người	33.737.295.877	37.688.914.799
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	45.754.247.917	35.320.944.895
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	7.511.909.678	6.007.813.524
Bảo hiểm tàu thuyền	1.333.999.856	2.041.481.574
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	6.937.976.947	4.761.848.103
	161.178.778.934	172.156.606.724

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

23. CHI BỒI THƯỜNG

	2021 VND	2020 VND
<i>Chi bồi thường</i>		
• Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	437.843.356.268	423.966.428.148
• Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	34.188.972.752	32.215.074.639
	472.032.329.020	456.181.502.787
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
• Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, hàng đã xử lý bồi thường	(744.515.440)	(2.910.472.823)
	471.287.813.580	453.271.029.964

(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	214.857.053.620	232.346.710.970
Bảo hiểm con người	113.927.550.296	106.040.026.649
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	44.367.549.098	47.599.348.160
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	12.823.045.547	11.216.567.412
Bảo hiểm tàu thuyền	43.162.122.511	14.107.945.029
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	8.177.596.196	11.356.479.928
Bảo hiểm thuyền viên	528.439.000	1.299.350.000
	437.843.356.268	423.966.428.148

(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	4.544.072.082	267.718.855
Bảo hiểm con người	1.023.470.812	82.047.640
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	23.698.611.173	24.805.959.999
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	201.420.502	1.226.350.777
Bảo hiểm tàu thuyền	1.592.742.727	2.207.169.975
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	3.128.655.456	3.625.827.393
	34.188.972.752	32.215.074.639

24. THU BỒI THƯỜNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	75.465.192.072	99.323.438.193
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	2.098.634.386	46.476.113.408
Bảo hiểm con người	66.396.822.675	81.283.888.708
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	3.784.303.311	4.278.414.138
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	6.723.757.972	11.490.501.040
Bảo hiểm tàu thuyền	27.478.989.354	6.596.013.456
	181.947.699.770	249.448.368.943

25. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	2021 VND	2020 VND
Chi hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 7)	150.987.835.458	107.802.297.672
<i>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>		
Chi phí phát triển kinh doanh	140.053.772.885	201.641.909.211
Chi phí nhân viên	73.509.235.214	67.263.238.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.840.034.571	61.530.464.934
Chi phí giám định tổn thất	14.181.972.996	11.225.727.529
Công cụ, dụng cụ	6.944.329.449	6.959.374.859
Chi phí khác	22.713.682.494	16.577.268.411
	312.243.027.609	365.197.983.912
	463.230.863.067	473.000.281.584

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	74.654.328.542	81.617.523.117
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	15.313.401.826	14.440.807.118
Lãi từ đầu tư trái phiếu	10.749.438.066	15.090.193.060
Cổ tức được chia	1.094.900.000	1.065.803.000
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	1.844.162.401	1.254.369.205
	103.656.230.835	113.468.695.500

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.718.704.075	11.994.080.657
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.242.779.690	1.018.633.633
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 5(a))	29.145.360	(6.451.385.938)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 5(b))	-	(765.672.000)
	6.990.629.125	5.795.656.352

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	202.155.415.172	162.911.051.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.364.204.666	58.312.316.970
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 6(d))	13.994.562.703	6.433.982.395
Công cụ và dụng cụ	7.069.920.413	6.649.424.739
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.084.055.496	5.757.727.265
Chi phí khấu hao	2.694.622.467	2.824.870.409
Thuế và phí	87.098.700	74.107.393
	282.449.879.617	242.963.480.950

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	10.574.731.649	25.202.165.832
Dự phòng thiếu của những kỳ trước	-	2.137.192.569
	10.574.731.649	27.339.358.401
Chi phí/ (lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	11.077.270.751	(10.538.954.720)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	21.652.002.400	16.800.403.681

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.619.245.250	83.390.424.385
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	20.923.849.050	17.007.157.235
Chi phí không được khấu trừ thuế	947.133.350	720.698.944
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(218.980.000)	(213.160.600)
Dự phòng thiếu của những kỳ trước	-	2.137.192.569
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	(2.522.412.109)
	21.652.002.400	16.800.403.681

(*) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập từ cổ tức được chia.

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20% (2020: 20%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 79.970.691.918 VND (Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 64.720.439.616 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 59.999.474 cổ phiếu (Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020: 59.999.474 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	82.967.242.850	66.590.020.704
Phân bổ vào quỹ khác (*)	(2.996.550.932)	(1.869.581.088)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	79.970.691.918	64.720.439.616

(*) Phân bổ vào quỹ khác thể hiện số thưởng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số tiền tương ứng với 5% lợi nhuận sau thuế năm 2020 sau khi trích quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

(ii) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2021 Cổ phiếu	2020 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	59.999.474	59.999.474

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2021 VND/cổ phiếu	2020 VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.333	1.079

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, trái phiếu, tiền gửi ngân hàng và dài hạn tại ngân hàng.

(i) **Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	673.762.832.109	420.160.027.530
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(ii)	545.776.588.016	581.502.811.099
Trái phiếu – ngắn hạn	(iii)	120.068.399.900	50.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iv)	246.977.980.002	298.625.189.220
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	(iv)	31.698.732.367	31.697.552.924
Ký quỹ ngắn hạn	(iv)	1.469.974.245	1.138.319.409
Phải thu khác	(iv)	50.746.603.415	36.053.309.445
Ký quỹ bảo hiểm	(ii)	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	(iv)	1.068.224.306	4.832.980.875
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(ii)	24.000.000.000	165.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	(iii)	11.503.000.000	41.513.400.000
Tài sản dài hạn khác	(iv)	5.456.484.113	4.217.274.183
		1.724.528.818.473	1.646.740.864.685

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(b) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(iii) Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán dễ thanh khoản được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán đã được cấp phép hoạt động, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, và của các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Tổng Công ty.

(iv) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Điều hành của Tổng Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đã quá hạn nhưng không bị tổn thất tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	27.635.623.436	2.724.677.979
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.512.218.755	2.558.073.866
Quá hạn trên 180 ngày	153.166.337	-
	31.301.008.528	5.282.751.845

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	303.802.792.295	303.802.792.295	303.802.792.295
Phải trả cổ tức	8.731.932.097	8.731.932.097	8.731.932.097
Chi phí phải trả	46.099.598.805	46.099.598.805	46.099.598.805
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.936.672.231	15.936.672.231	15.936.672.231
	374.570.995.428	374.570.995.428	374.570.995.428

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	293.684.179.339	293.684.179.339	293.684.179.339
Phải trả cổ tức	7.216.165.214	7.216.165.214	7.216.165.214
Chi phí phải trả	24.064.182.901	24.064.182.901	24.064.182.901
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.993.642.726	9.993.642.726	9.993.642.726
	334.958.170.180	334.958.170.180	334.958.170.180

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuận của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái đối với Tổng Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	673.762.832.109	420.160.027.530
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	545.776.588.016	581.502.811.099
Trái phiếu – ngắn hạn	120.068.399.900	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	24.000.000.000	165.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	11.503.000.000	41.513.400.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	12.000.000.000

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán kinh doanh do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
• Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết	58.131.736.525	58.131.736.525	46.090.341.771	46.090.341.771
• Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu chưa niêm yết	19.961.996.000	(*)	23.585.308.446	(*)
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
• Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	545.776.588.016	(*)	581.502.811.099	(*)
• Trái phiếu - ngắn hạn	120.068.399.900	(*)	50.000.000.000	(*)
• Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	24.000.000.000	(*)	165.000.000.000	(*)
• Trái phiếu - dài hạn	11.503.000.000	(*)	41.513.400.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
• Tiền các khoản tương đương tiền	676.700.501.854	676.700.501.854	422.206.150.656	422.206.150.656
• Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	246.977.980.002	(*)	298.625.189.220	(*)
• Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	31.698.732.367	(*)	31.697.552.924	(*)
• Ký quỹ ngắn hạn	1.469.974.245	(*)	1.138.319.409	(*)
• Phải thu khác	46.162.426.660	(*)	31.736.492.995	(*)
• Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	(*)	12.000.000.000	(*)
• Phải thu lãi tiền gửi dài hạn	1.068.224.306	(*)	4.832.980.875	(*)
• Tài sản dài hạn khác	5.456.484.113	(*)	4.217.274.183	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
• Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	303.802.792.295	(*)	261.284.022.676	(*)
• Phải trả cổ tức	8.731.932.097	(*)	7.216.165.214	(*)
• Chi phí phải trả	46.099.598.805	(*)	24.064.182.901	(*)
• Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.936.672.231	(*)	9.993.642.726	(*)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT

(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

31. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(e) Giá trị hợp lý (tiếp theo)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. RỦI RO BẢO HIỂM

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và chi phí cơ bản là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chi phí bồi thường rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, các nghĩa vụ bảo hiểm cơ bản sẽ khác nhau do các mô hình phát triển sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn 792 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Tổng Công ty phải chịu rủi ro tích lũy phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Tổng Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thủy, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Tổng Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro. Tổng Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Tổng Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Tổng Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

Tổng Công ty duy trì biên khả năng thanh toán tối thiểu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm theo quy định của Thông tư 50.

Biên khả năng thanh toán tối thiểu của công ty bảo hiểm phi nhân thọ sẽ là giá trị lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25,0% trong tổng số phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán;
- 12,5% trong tổng số phí bảo hiểm gốc cộng với phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm xác định biên khả năng thanh toán.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

32. RỦI RO BẢO HIỂM (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây nêu lên tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu và tỷ lệ an toàn vốn của Tổng Công ty. Cục Quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo Tổng Công ty hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Tổng Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	498.591.137.891	227.704.238.187	219%
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	471.443.103.852	221.259.853.836	213%

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Trong vòng một năm	11.626.717.434	9.787.960.089
Trong vòng hai đến năm năm	18.420.686.373	8.399.077.271
Trên năm năm	-	66.000.000
	<u>30.047.403.807</u>	<u>18.253.037.360</u>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		31/12/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.646.284	37.390.035.333	343.456	7.909.111.855

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

(a) Số dư với các bên liên quan

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Tiền gửi thanh toán	352.674.029.069	208.574.787.067
Tiền gửi có kỳ hạn	562.096.450.421	606.758.818.157
Dự thu lãi tiền gửi	18.556.619.616	18.937.871.501
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Tiền gửi thanh toán	3.503.310.905	3.710.505.927
Tiền gửi có kỳ hạn	39.000.000.000	43.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi	970.662.377	2.664.121.034
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	118.200.000	38.500.000
Thành viên Ban Điều hành Tổng Công ty		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	<u>1.572.127.500</u>	<u>524.042.500</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Giao dịch phát sinh với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	24.403.454.922.435	18.608.917.498.193
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24.448.117.290.171	18.284.116.151.107
Thu nhập từ lãi tiền gửi	54.114.283.209	50.574.511.839
Phí dịch vụ ngân hàng	949.234.649	1.177.695.386
Cổ tức thông báo	46.579.142.558	29.056.746.464
Công ty liên quan khác		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	39.000.000.000	35.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	43.000.000.000	32.000.000.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	3.022.088.562	3.055.732.042
Phí dịch vụ ngân hàng	21.119.182	25.488.171
Cổ tức thông báo	3.704.564.799	2.310.961.392
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	2.668.615.600	2.576.307.854
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	651.140.000	766.303.900
Thành viên Ban Điều hành Tổng Công ty		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	6.439.178.500	7.975.373.632

35. CÁC KHOẢN MỤC BẤT THƯỜNG

Dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020 và đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập của người dân và hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn và phòng ngừa, trong đó nổi bật là việc thực hiện cách ly xã hội và đang từng bước đẩy mạnh tiêm chủng toàn dân. Tuy nhiên, sự lây lan và phát triển của dịch Covid-19 tại Việt Nam những ngày này đang diễn ra phức tạp. Mức độ ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin này không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính này. Ban Giám đốc Công ty tin rằng dịch Covid-19 có thể sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, mức độ ảnh hưởng cụ thể là chưa thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày phát hành báo cáo tài chính này.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:


Châu Hậu Doanh
Người lập


Hà Minh Hiếu
Kế toán trưởng


Lê Thị Ngọc Hương
Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Stt	Tên công ty thành viên/ văn phòng kd trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
1	BL Thái Nguyên	Số 10 Cách mạng tháng 8, P. Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, T. Thái Nguyên.	0208.3651115	0208.3651113
1.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cao Bằng	Chưa hoạt động		
1.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Lạng Sơn	515B, Đ. Trần Đăng Ninh, xã Hoàng Đồng, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	02053.889955	Không sử dụng
2	BL Quảng Ninh	Tầng 3-6 căn nhà Ô số 3, ô số 4* QH đất xen kẹp nhà văn hóa khu 6A, P. Hồng Hải, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh	02033.819295	02033.815185
2.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Cẩm Phả	Số Nhà 397, Tổ 68, Khu Diêm Thủy, P. Cẩm Đông, TP. Cẩm Phả, T. Quảng Ninh	02033.710555	
2.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Uông Bí	404 Trần Nhân Tông, P. Thanh Sơn, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh	02033.669456	02033.664889
2.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Móng Cái	Đang cập nhật		
3	BL Phú Thọ	Tòa nhà MB, Số 1596, Đường Hùng Vương, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ	0210.3652999	0210.3652288
3.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Lào Cai	Trắng 2, showroom moto D1, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai, T. Lào Cai	Không sử dụng	Không sử dụng
4	BL Hà Nội	Tầng 1, tòa nhà số 30, Trung Liệt, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	024.37629070	024.37629045
5	BL Thủ Đô	A46, TT16 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	024.37824330	024.37824331
6	BL Thăng Long	Tầng 2, Tòa nhà ACCI số 210 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024.71086033	024.71086033
7	BL Hải Phòng	Tầng 7, Tòa Nhà CPN, Số 7 Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	02253.686999	02253.686888
7.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	Số 14 ngách 84, ngõ 174, Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	0313.686.999 0313.686.777 0313.686.555	0313.686.888
7.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nội	14/178/48 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội		
7.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hưng Yên	Xóm 2 Thôn Mễ Xá, Xã Nguyễn Trãi, H. Ân Thi, T. Hưng Yên	0913.819.568	

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Stt	Tên công ty thành viên/ văn phòng kd trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
8	BL Thanh Hóa	Tầng 3,107 Đường Lạc Long Quân, P. Đông Vệ, TP.Thanh Hóa, T. Thanh Hóa	0237.3855658	0237.3859658
8.1	Phòng kinh doanh Khu vực Bim Sơn	Đang cập nhật		
8.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tĩnh Gia	Đang cập nhật		
8.3	Phòng kinh doanh Khu vực Ngọc Lặc	Đang cập nhật		
8.4	Phòng kinh doanh Khu vực Như Thanh	Đang cập nhật		
8.5	Phòng kinh doanh Khu vực Triệu Sơn	Đang cập nhật		
9	BL KV Bắc Trung Bộ	106A Đường Mai Hắc Đế, P. Hà Huy Tập, TP. Vinh, T. Nghệ An	0238.3575368	0238.3575268
9.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Tĩnh	365 Trần Phú, Khu phố Vinh Hòa, P. Thạch Linh, TP. Hà Tĩnh	0393.690696	0393.868585
9.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Nghệ An	Khối 3 - TT Diễn Châu - H.Diễn Châu, T. Nghệ An		
9.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nghệ An	437 Khối Đồng Tâm, P. Hòa Hiếu, Tx Thái Hòa, tỉnh Nghệ An		
9.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Đô Lương	Xóm Yên Thế, xã Yên Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An		
9.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Quỳnh Lưu	Xóm 3, Xã Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, T. Nghệ An		
10	BL KV Trung Bộ	Tầng 1, Số 23 Nguyễn Văn Cừ, TP. Huế, T. Thừa Thiên Huế	0234.3978255	0234.3879099
10.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Quảng Trị	69 Lý Thường Kiệt , TP. Đông Hà, T. Quảng Trị	053.3568989	
11	BL KV Tây Nguyên	161 Ngô quyền, P. Tân An, TP. Buôn Mê Thuột, Đak Lak	0262.8553789	0262.3968768
11.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đắk Nông	TDP2, P. Nghĩa Thành, TX Gia Nghĩa, T. Đắk Nông	0501.3543390	
11.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Eakar	135 đường Quang Trung, Thôn 1a, Cư ni, TT Eakar, T. Đak Lak		
12	BL Đà Nẵng	45 Nguyễn Thị Minh Khai,Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng	0236.3840890	0236.3840656
12.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hội An	392 Cửa Đại, P Cẩm Châu, TP. Hội An, T. Quảng Nam		
12.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Kỳ	Đang cập nhật		

Stt	Tên công ty thành viên/ văn phòng kd trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
13	BL Quảng Ngãi	Số 21 đường Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP, Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	0255.6556999	0255.3836181
13.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Núi Thành	500 Phạm Văn Đồng, TT. Núi Thành, H. Núi Thành, T. Quảng Nam	0510.3870468	0510.3870468
13.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Quảng Nam	Tổ 64 P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
14	BL Phú Yên	242-244-246 Hùng Vương, TP. Tuy Hòa, T. Phú Yên	02573.821979	02573.810409 02573.813199
14.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Đông Hòa	KP 2, TT. Hòa Vinh, H. Đông Hòa, T. Phú Yên	0573.531979	0573.531979
14.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tuy An	Thôn Phú Mỹ, xã An Dân, H. Tuy An, T. Phú Yên	0573.866077	0573.866077
14.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Sông Cầu	148 Phạm Văn Đồng, khu phốLong Hải, P. Xuân Phú, TX. Sông Cầu, T. Phú Yên	0573.876616	0573.876616
15	BL Bình Định	Căn nhà số 48 đường Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	0256.3846350	0256.3846380
15.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Cát	10 Đường Hai Bà Trưng, TT. Ngô May, H. Phù Cát, T. Bình Định	056.3604198	
15.2	Phòng Kinh doanh Khu vực An Nhơn	30/3, Bắc Ngô Gia Tự, P. Bình Định, TX. An Nhơn, T. Bình Định	056.3735157	056.3735157
15.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hoài Nhơn	177 Quang Trung, TT Đông Sơn, H. Hoài Nhơn, T. Bình Định	056.3961355	056.3961356
15.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Phù Mỹ	Chưa hoạt động		
15.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Sơn	Chưa hoạt động		
16	BL Khánh Hòa	236 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Phước Hòa, TP Nha Trang, T. Khánh Hòa	02583 515229 02583 516609	02583 515209 02583 516609
16.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Thuận	5 Trần Phú, P. Thanh Sơn, TP. Phan Rang-Tháp chàm, T. Ninh Thuận	02593 828768	02593 828768
16.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Ninh Hòa	441 Trần Quý Cáp, P. Ninh hiệp, TX. Ninh hòa, T. Khánh Hòa	02583 631666	02583 631666
16.3	Phòng Kinh doanh khu vực Cam Lâm	TT. Cam Đức, H. Cam lâm, T. Khánh Hòa.	058.3859268	
16.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Cam Ranh	131 Phạm Văn Đồng, P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	02583 950380	02583 950380
16.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Vạn Ninh	469 Hùng Vương, TT Vạn Giã, H. Vạn Ninh, Khánh Hòa	02583 840223	02583 840223
17	BL Bình Thuận	Số E3 Đường Hùng Vương, khu phố 14, P. Phú Thủy, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận	0252. 6253179	0252.6253179
18	BL Bình Dương	126 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Hòa , TX. Thủ Dầu Một - Bình Dương	0274.3837108	0274.3837109
18.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Phú Giáo	550 KP2, Thị trấn Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, T. Bình Dương	Không sử dụng	Không sử dụng

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Stt	Tên công ty thành viên/ văn phòng kd trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
19	BL Đồng Nai	BN4 LK20, Đường N1, KP6, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	02513.822112 02513.918095	02513.822966
20	BL Vũng Tàu	Tầng 4-5, Tòa nhà 89 Lê Lợi, P. 6, TP. Vũng Tàu	02543.591033	02543.591932
20.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bà Rịa	389 CMT8, P. Phước Nguyên, TX. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu		
20.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Phước Tỉnh	37 tổ 2, ấp Phước Thọ, xã Phước Hưng, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu	Không sử dụng	Không sử dụng
20.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Tân Thành	Quốc lộ 51A, TT Phú Mỹ, H. Tân Thành, T. Bà Rịa - Vũng Tàu		
21	Sở giao dịch Bảo Long	159 Hoa Lan, P. 2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	028.35172915	028.35172921
21.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khu Công nghệ cao			
22	BL Bến Thành	50-52 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1	028.39145312	028.39145311
23	BL TP.HCM	Lầu 4, 50 Bis - 52 - 46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1	028.38296268	028.38296269
24	BL Sài Gòn	449 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Q. 1, TP. HCM	028.39202288	028.39204556
24.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Củ Chi	23 Lê Vĩnh Huy, Khu phố 7, TT Củ Chi, H. Củ Chi, TP. HCM	02836369909	
25	BL Nam Sài Gòn	39 Hải Thượng Lãn Ông, P. 10, Q. 5, TP. HCM	028.38537990	028.38536079
26	BL Gia Định	59 Phan Bá Phiến, P. 12, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028.35264405	028.35261158
27	BL Tân Sơn Nhất	95 Nguyễn Cửu Vân, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	028.39903119	028.39903117
28	BL Long An	Tầng 4, Tòa nhà số 68A Hùng Vương, P. 2, TP. Tân An, T. Long An	02723.550677	02723.550477
28.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Tho	Lầu 3, Nhà số 134-136 Đinh Bộ Lĩnh, P. 2, TP. Mỹ Tho, T. Tiền Giang.	0272 3877805	0272 3876239
29	BL Cần Thơ	30 A3, Khu dân cư Hưng Phú I, P. Hưng Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ	02923.834117	0292.3766466
29.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Vĩnh Long	11-11A-11B-11C Phạm Thái Bường, P.4, TP.Vĩnh Long	0270.3842.197	0270.3842.197
29.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Hậu Giang	89 Đường 30/4, KV2, P. Thuận An, TX. Long Mỹ, T. Hậu Giang	0711.511.471	Không sử dụng
29.3	Phòng Kinh doanh Khu vực An Giang	100/5N Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Phước, TP. Long Xuyên, T. An Giang		
29.4	Phòng Kinh doanh Khu vực Đồng Tháp	60-62 Đốc Binh Kiều, P2, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp		
29.5	Phòng Kinh doanh Khu vực Trà Vinh	23 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 2. TP. Trà Vinh, T. Trà Vinh		

Stt	Tên công ty thành viên/ văn phòng kd trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
30	BL Cà Mau	Số 114A, đường Nguyễn Công Trứ, Khóm 7, P. 8, TP. Cà Mau, T. Cà Mau	0290.3520557	0290.3520556
30.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bạc Liêu	14 Lý Thường Kiệt, P.3, TP. Bạc Liêu, T. Bạc Liêu	07813.686566	07813.686566
30.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Sóc Trăng	Đang cập nhật		
31	BL Lâm Đồng	2F Đường Ba Tháng Tư, P. 03, TP. Đà Lạt, T. Lâm Đồng	0263.3837568	0263.3837268
31.1	Phòng Kinh doanh Phú Mỹ Hưng	1411 Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q. 7, TP.HCM	08.39958155	08.39958156
31.2	Phòng Kinh doanh Bảo Lộc	121C Trần Phú, TP. Bảo Lộc, T. Lâm Đồng	063.3958888	063.3958999
31.3	Phòng Kinh doanh Đức Trọng			
32	BL Gia Lai	53 Nguyễn Tất Thành, Khu phố mới Hoa Lư - Phù Đổng, P. Hoa Lư, TP. Pleiku, T. Gia Lai	02693.829767	02693.714243
33	BL Kiên Giang	Số L7-12 Đường Trần Quang Khải, P.An Hòa, TP. Rạch Giá, T. Kiên Giang	02973.778686	02973.777793
33.5	Phòng Kinh doanh khu vực Châu Đốc	531 Nguyễn Văn Thoại, Châu Phú, Châu Đốc, An Giang		
34	BL Đông Sài Gòn	Tầng 6, Tòa nhà số 50bis-52-46/10 Phạm Hồng Thái, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM	028.38279478	028.38239254
35	BL Quảng Bình	Số 267 Lý Thường Kiệt, P. Đồng Phú, TP. Đồng Hới, T. Quảng Bình	0232.3838233	0232.3838234
35.1	Phòng Kinh doanh khu vực Quảng Trạch	Đang cập nhật		
35.2	Phòng Kinh doanh khu vực Bố Trạch	Đang cập nhật		
36	BL Bắc Ninh	Tầng 4, 316 Trần Hưng Đạo, P. Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh	0222.3861666	0222.3634567
36.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 1	Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang	02043.555.785	
36.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Bắc Giang 2	Lô G14, Đường Cả Trọng, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang		
36.3	Phòng Kinh doanh khu vực Gia Lâm	Đang cập nhật		
37	BL Đông Phương	Phòng số T3.3 và T3.5, Lầu 2 (Tầng 3), 72-74 Nguyễn Tất Thành, P. 12, Q. 4, TP. HCM	028.39505014 028.39505015	028.39505013
38	BL Hải Dương	167 Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, T. Hải Dương.	0220.3833999	Đang cập nhật
38.1	Phòng Kinh doanh khu vực Chí Linh	Trúc Thôn, P. Cộng Hòa, TX Chí Linh, T. Hải Dương		
38.2	Phòng Kinh doanh khu vực Kinh Môn			

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Stt	Tên công ty thành viên/ văn phòng kd trực thuộc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
39	BL Nam Định	Số 143 Tổ 27, Đường Giải Phóng, P. Cửa Bắc, TP. Nam Định, T. Nam Định	0228.3511199	0228.3511199
39.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Nam	KM3.5 Quốc lộ 10, Lộc An, TP. Nam Định T. Nam Định		
39.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Phương Nam	Tổ 18 TT Bùi Chu, xã Xuân Ngọc, H. Xuân Trường, T. Nam Định		
40	BL Vinh Phúc	Tầng 2, Tòa nhà Viettel Vinh Phúc, Lô S1, Khu đô thị chùa Hà Tiên, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc	0211.6251186	0211.6251186
40.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Thành	38/64/3 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, TP. Hà Nội		
41	BL Đông Hải	01 phòng tại tầng 8 tòa nhà 9 tầng nhà khách Hải Quân, số 5 Lý Tự Trọng, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	02253.816666	02253.250599
41.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Khoái Châu	Thị Tứ Bô Thời, Hồng Tiến, Khoái Châu, T. Hưng Yên		
42	Sở Giao dịch miền Bắc	Tầng 5, 6 số 5 ngõ 75 Trần Thái Tông, P. Dịch Vọng, H. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024.4450108	
42.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Tây Bắc			
43	BL Ninh Bình	TTTM Bình An Nhiên, số 90 đường Lê Hồng Phong, P. Vân Giang, TP. Ninh Bình	0229.3876899	0229.3875899
43.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Yên Khánh	Phố 1, TT Yên Ninh, H. Yên Khánh, T. Ninh Bình		
43.2	Phòng Kinh doanh Khu vực Tam Điệp	P. Trung Sơn, TP. Tam Điệp, T. Ninh Bình		
43.3	Phòng Kinh doanh Khu vực Hà Nam	170 Lê Công Thanh, Phủ Lý, Hà Nam	03513889269	03513889269
44	BL Thái Bình	Tầng 2, Lô số 20+22/TT4G Dự án Khu phố 3, Khu đô thị mới Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình, T. Thái Bình	0227.6528666	0227.3658966
45	BL Đông Đô	74-76 Nguyễn Khang, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	024.66641786	Đang cập nhật
45.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Mỹ Đức - Hà Tây	Xóm 10, Phù Lưu Tế, H. Mỹ Đức, TP. Hà Nội		
46	BL Tây Ninh	Số 57, Lê Duẩn, Khu phố 1, P. 3, TP. Tây Ninh, T. Tây Ninh	0276.3846666	0276.3627666
46.1	Phòng Kinh doanh Khu vực Trảng Bàng	Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, T. Tây Ninh		



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải tại website: www.bimico.com.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

[📍] : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao,
Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

[☎] : (84.28) 3823 9219

[📞] : (84.28) 3822 8967

[✉] : info@baohiembraolong.vn

[🌐] : baolonginsurance.com.vn